

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 40 PHẢI NỘP HỌC PHÍ

Học kỳ II năm học 2015-2016

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1	400101	Tăng Thị Giang	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2	400102	Mai Tiến Thành	4001	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
3	400103	Vương Thị Hiền	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
4	400104	Phan Thị Linh	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
5	400105	Lương Thị Hải Yến	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
6	400106	Nguyễn Mạnh Cường	4001	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
7	400107	Nguyễn Thị Phương	4001	MHP	27	0	0	0	0	0	0
8	400108	Lê Minh Quân	4001	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
9	400109	Đoàn Thúy Ngân	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
10	400110	Long Thị Hồng	4001	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
11	400111	Phạm Hà Phương	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
12	400112	Nguyễn Minh Chiến	4001	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
13	400113	Hoàng Thanh Xuân	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
14	400114	Nguyễn Đức Thuận	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
15	400115	Vũ Gia Linh	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
16	400116	Đặng Ích Tiến	4001	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
17	400117	Nguyễn Văn Nhật	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
18	400118	Chu Thị Ngọc Anh	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
19	400119	Nguyễn Thị Phương Thảo	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
20	400120	Nguyễn Thị Phương Thảo	4001	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
21	400121	Võ Hiền Anh	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
22	400122	Nguyễn Thị Phương Thảo	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
23	400123	Hoàng Khánh Vy	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
24	400124	Chu Đức Dũng	4001	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
25	400125	Trần Thị Thanh Huyền	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
26	400126	Lê Thị Vân Anh	4001	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
27	400127	Phan Thị Ly Na	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
28	400128	Cao Thị Thanh Hà	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
29	400129	Nguyễn Thị Thùy Trang	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
30	400130	Trần Đức Hậu	4001	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
31	400131	Đào Vân Anh	4001	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
32	400132	Hoàng Thu Trang	4001	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
33	400133	Vũ Huyền Minh	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
34	400134	Phạm Thị Trang Thu	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
35	400135	Đỗ Thị Hằng	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
36	400136	Nông Hải Tuấn	4001	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
37	400137	Nguyễn Minh Anh	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
38	400139	Trần Hữu Dũng	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
39	400140	Lê Thị Hương Giang	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
40	400141	Vừ Seo Hòa	4001	MHP	25	0	0	0	0	0	0
41	400142	Nguyễn Thế Phú	4001	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
42	400143	Phạm Thị Thanh Nhung	4001	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
43	400144	Ngô Thị Tuyết	4001	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
44	400145	Hoàng Lê Quyên	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
45	400146	Đinh Thị Thảo	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
46	400147	Phàn Thị Mây	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
47	400148	Vũ Kiều Trang	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
48	400149	Và A Tòa	4001	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
49	400150	Giàng A Nù	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
50	400151	Dương Thị Lan Anh	4001	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
51	400152	Nguyễn Thị Hồng Lê	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
52	400153	Nông Văn Quân	4001	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
53	400154	Pờ Mé Nu	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
54	400155	Bùi Thị Phương	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
55	400156	Nguyễn Thị Thùy Linh	4001	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
56	400157	Nguyễn Thị Lệ Thu	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
57	400158	Hoàng Thị Mai Liễu	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
58	400159	Phạm Thị Thanh Hải	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
59	400160	Nguyễn Thị Kiều Trang	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
60	400161	Phạm Thị Huyền	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
61	400162	Nguyễn Thị Thu Thúy	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
62	400163	Lê Thị Dung	4001	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
63	400164	Lương Thảo Phương	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
64	400165	Phùng Thị Quyên	4001	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
65	400166	Trần Thị Hằng	4001	MHP	27	0	0	0	0	0	0
66	400167	Hoàng Hương Quỳnh	4001	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
67	400168	Nguyễn Thị Hồng Liên	4001	CT	27	0	0	0	0	0	0

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
68	400169	Hoàng Thị	Hiền	4001	YCXH	25	0	0	10,750,000	0	0	10,750,000
69	400170	Triệu Thị Kim	Soan	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
70	400171	Nguyễn Thị	Khuyên	4001	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
71	400172	Hà Kim	Oanh	4001	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
72	400173	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
73	400174	Nguyễn Thị Hoài	Thu	4001	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
74	400175	Santysuk	SukChalean	4001	LAOHD	27	0	0	0	0	0	0
75	400176	Chilaphone	SophapMixay	4001	LAOHD	27	0	0	0	0	0	0
76	400201	Trần Thị Mỹ	Hạnh	4002	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
77	400202	Đỗ Thị Thùy	Thắm	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
78	400203	Lê Thị Hồng	Vân	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
79	400204	Trần Văn	Phúc	4002	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
80	400205	Phạm Thị Ngọc	Anh	4002	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
81	400206	Từ Văn	Bắc	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
82	400207	Đỗ Thế	Vương	4002	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
83	400208	Đinh Huyền	Thảo	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
84	400209	Đường Hải	Yến	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
85	400210	Đào Ngọc	Minh	4002	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
86	400211	Bùi Thị	Huế	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
87	400212	Trần Đức	Hùng	4002	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
88	400213	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
89	400214	Đào Duy	Tùng	4002	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
90	400215	Hoàng Thu	Dung	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
91	400216	Hà Thị	Yên	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
92	400217	Nguyễn Đức	Mạnh	4002	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
93	400218	Lê	Quân	4002	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
94	400219	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
95	400220	Nguyễn Quang	Hùng	4002	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
96	400221	Vi Thị Quỳnh	Anh	4002	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
97	400222	Dương Mai	Ngọc	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
98	400224	Đỗ Minh	Anh	4002	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
99	400225	Vương Thị	Loan	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
100	400227	Trần Thị Phương	Linh	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
101	400229	Phạm Thị	Lam	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
102	400230	Hoàng Thùy	Linh	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
103	400232	Đặng Thị Vân	Anh	4002	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
104	400233	Lê Võ Thủy	Tiên	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
105	400235	Trịnh Hoài	Đức	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
106	400236	Vũ Thị Minh	Anh	4002	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
107	400237	Đổng Mỹ	Linh	4002	BT	24	0	0	4,320,000	0	0	4,320,000
108	400238	Hoàng Khắc	Mạnh	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
109	400239	Tạ Thị	Nga	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
110	400240	Lê Thị Phương	Thanh	4002	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
111	400241	Vàng A	Tĩnh	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
112	400242	Phan Thu	Huyền	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
113	400243	Hoàng Phương	Giang	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
114	400244	Lường Thị	Hải	4002	MHP	27	0	0	0	0	0	0
115	400245	Ngô Khánh	Linh	4002	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
116	400246	Phà Thó	Xa	4002	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
117	400247	Sùng Thị	Dợ	4002	MHP	27	0	0	0	0	0	0
118	400248	Vũ Thị	Thành	4002	MHP	27	0	0	0	0	0	0
119	400249	Nguyễn Thị Thu	Hiền	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
120	400250	Bùi Thị Thương	Huyền	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
121	400251	Hoàng Thị Thuỷ	Tiên	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
122	400252	Lù Thị	Tâm	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
123	400253	Hoàng Thị Hồng	Hạnh	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
124	400254	Nguyễn Bích	Ngọc	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
125	400255	Ấu Thị	Sen	4002	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
126	400256	Đường Thu	Quyên	4002	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
127	400257	Lý Thị	Ghền	4002	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
128	400258	Nguyễn Thị	Vân	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
129	400259	Nguyễn Thùy	Linh	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
130	400260	Lại Thị	Minh	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
131	400261	Trần Minh	Quang	4002	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
132	400262	Đỗ Thùy	Trang	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
133	400263	Lĩnh Thị	Hoa	4002	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
134	400264	Nguyễn Thị Kim	Anh	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
135	400265	Chu Thị	Lan	4002	MHP	27	0	0	0	0	0	0
136	400266	Hà Thị	Phương	4002	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
137	400267	Nguyễn Thị Lan	Anh	4002	YCXH	28	0	0	12,040,000	0	0	12,040,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
138	400268	Tạ Thị Thắm	4002	CT	28	0	0	0	0	0	0
139	400269	Quách Thị Thùy	4002	MHP	27	0	0	0	0	0	0
140	400270	Hoàng Diệp Hà	4002	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
141	400271	Trần Thùy Dung	4002	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
142	400272	Nguyễn Bá Ngọc	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
143	400273	Y Hoàng Mlô	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
144	400274	KhanThaVong Alanya	4002	LAOHD	27	0	0	0	0	0	0
145	400275	Phengphaivanh LouangSouvanavo	4002	LAOHD	27	0	0	0	0	0	0
146	400276	Somphong KenManyVong	4002	LAOHD	27	0	0	0	0	0	0
147	400301	Nguyễn Quang Linh	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
148	400302	Phạm Quốc Huy	4003	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
149	400303	Nguyễn Thị Lam Hoa	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
150	400304	Nguyễn Thị Hà Giang	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
151	400305	Nguyễn Thị Thu Trà	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
152	400306	Phạm Tiến Đạt	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
153	400307	Hoàng Thu Uyên	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
154	400308	Hồ Thị Thuỳ Trang	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
155	400309	Trần Quý Đức	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
156	400310	Phạm Văn Đức	4003	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
157	400311	Tổng Thị Hồng Yến	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
158	400312	Vũ Hải Hà	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
159	400313	Phạm Thị Thanh Vân	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
160	400314	Nguyễn Thị Tố Uyên	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
161	400315	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
162	400316	Đào Thanh Vân	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
163	400317	Nguyễn Ngọc Hà	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
164	400318	Đỗ Tất Kỳ	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
165	400319	Vũ Nguyễn Hải Đường	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
166	400321	Hoàng Thị Hải Yến	4003	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
167	400322	Hoàng Thị Linh Chi	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
168	400325	Nguyễn Thị Phương Mai	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
169	400326	Ông Thị Diệu Anh	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
170	400327	Nguyễn Bảo Ngọc	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
171	400329	Kiều Thị Mai Anh	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
172	400330	Nguyễn Thị Thu Hà	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
173	400331	Trần Thùy Trinh	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
174	400332	Đặng Thùy Linh	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
175	400333	Ngô Thanh Thủy	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
176	400334	Hoàng Thị Thuý	4003	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
177	400335	Nguyễn Thanh Thư	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
178	400336	Đào Thu Thảo	4003	GHP	28	0	0	25,200	0	0	25,200
179	400337	Chu Thị Bích	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
180	400339	Hà Đình Dương	4003	BT	21	0	0	3,780,000	0	0	3,780,000
181	400340	Mai Hồng Ngọc	4003	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
182	400341	Hoàng Thị Hằng	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
183	400342	Bàn Thị Hường	4003	MHP	25	0	0	0	0	0	0
184	400343	Nguyễn Xuân Quỳnh	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
185	400344	Lê Minh Hằng	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
186	400345	Nguyễn Xuân Nguyên	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
187	400346	Nguyễn Thị Thanh Huyền	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
188	400347	Sáng Thị Chính	4003	MHP	27	0	0	0	0	0	0
189	400348	Bê Thị Hường	4003	MHP	25	0	0	0	0	0	0
190	400349	Hoàng Thùy Dung	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
191	400350	Trịnh Thị Kim Anh	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
192	400351	Vừ A Dia	4003	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
193	400352	Nguyễn Duy Tuấn	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
194	400353	Lê Thị Hương	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
195	400354	Hà Đình Công	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
196	400356	Nguyễn Hải Yên	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
197	400357	Bùi Thị Thúy Hiền	4003	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
198	400358	Hoàng Đình Tuấn	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
199	400359	Nguyễn Thị Minh Tâm	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
200	400360	Vũ Phương Hoa	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
201	400361	Bùi Thị Thủy	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
202	400362	Đỗ Ngọc Anh	4003	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
203	400363	Lê Thị Nhung	4003	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
204	400364	Phan Mỹ Hạnh	4003	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
205	400365	Lã Thị Linh	4003	MHP	27	0	0	0	0	0	0
206	400366	Chu Thị Duyên	4003	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
207	400367	Phạm Thành Công	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
208	400368	Lương Khánh Hà	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
209	400369	Vũ Duy Hùng	4003	CT	27	0	0	0	0	0	0
210	400370	Hoàng Thị Tuyền	4003	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
211	400371	Trần Văn Ninh	4003	CT	27	0	0	0	0	0	0
212	400372	Lương Văn Qui	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
213	400373	Phạm Thị Ngọc Trâm	4003	BT	21	0	0	3,780,000	0	0	3,780,000
214	400374	Nguyễn Đức Hiền	4003	BP	28	0	0	0	0	0	0
215	400401	Mai Thị Hải Yến	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
216	400402	Lê Thị Hà	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
217	400403	Phạm Tuấn Mạnh	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
218	400404	Lù Thị Long	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
219	400405	Hoàng Thị Quỳnh Trang	4004	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
220	400406	Vũ Hoàng Hà	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
221	400407	Nguyễn Văn Hùng	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
222	400408	Lê Thị Nguyệt Hà	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
223	400409	Phạm Trường Giang	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
224	400410	Nguyễn Thuỳ Dương	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
225	400411	Nguyễn Hoàng Phúc Hải	4004	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
226	400412	Lê Thanh Huyền	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
227	400413	Nguyễn Thị Hoi	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
228	400414	Nguyễn Đình Anh	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
229	400415	Nguyễn Thị Khánh Linh	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
230	400416	Hồ A Sánh	4004	MHP	27	0	0	0	0	0	0
231	400417	Vy Mỹ Linh	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
232	400418	Hoàng Thị Thanh Xuân	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
233	400419	Nguyễn Thanh Quý	4004	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
234	400420	Trần Thùy Linh	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
235	400421	Nguyễn Thị Thu Hà	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
236	400422	Bùi Thị Dương Chà	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
237	400424	Lò Thị Dung	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
238	400426	Nguyễn Thị Ngọc Linh	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
239	400427	Đinh Ngọc ánh	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
240	400428	Phan Hồng Ngọc	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
241	400429	Trần Thúy Hạnh	4004	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
242	400430	Trịnh Tố Quyên	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
243	400431	Ngô Thị Thùy	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
244	400432	Phan Thùy Dung	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
245	400434	Nguyễn Thị Thu Nga	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
246	400435	Phùng Mạnh Tài	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
247	400436	Ngô Thị Trang	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
248	400437	Nguyễn Thị Mỹ Giang	4004	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
249	400438	Vũ Thành Doanh	4004	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
250	400439	Nguyễn Quỳnh Thu	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
251	400440	Nguyễn Bảo Thoa	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
252	400441	Sầm Thị Diệu Sương	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
253	400442	Nguyễn Thị Hải Yến	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
254	400443	Bùi Thanh Huyền	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
255	400444	Bùi Hoàng Mai Chi	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
256	400445	Vi Thị Hà	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
257	400446	Lê Ngọc Huyền	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
258	400447	Mai Thị Thúy Hà	4004	BT	19	0	0	3,420,000	0	0	3,420,000
259	400448	Giàng Thị Giông	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
260	400449	Đinh Thị Chính	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
261	400450	Đặng Hiền Thương	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
262	400451	Lê Thị Huệ Duyên	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
263	400452	Đỗ Thị Thoa	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
264	400453	Dương Thị Quỳnh Trang	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
265	400454	Nguyễn Thị Hà Trang	4004	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
266	400455	Lò Thị Hà	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
267	400456	Trần Thị Hạnh	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
268	400457	Nguyễn Văn Mạnh	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
269	400458	Nguyễn Thị Thuận	4004	MHP	25	0	0	0	0	0	0
270	400459	Hoàng Thị Loan	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
271	400460	Nông Thị Thiên Trang	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
272	400461	Trịnh Thị Thùy Dung	4004	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
273	400462	Nguyễn Mạnh Cường	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
274	400463	Lò Thị Quy	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
275	400464	Lê Thị Hoài Thơ	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
276	400465	Đỗ Phương Anh	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
277	400466	Ma Hoài Thương	4004	MHP	25	0	0	0	0	0	0

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
278	400467	Nông Thị Lê	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
279	400468	Lý Thị Lan	4004	CT	27	0	0	0	0	0	0
280	400469	Nguyễn Khánh Linh	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
281	400470	Lăng Thị Minh Huệ	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
282	400471	Hoàng Phương Lan	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
283	400472	Bùi Khánh Linh	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
284	400473	Nguyễn Đức Trung	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
285	400474	Hoàng Đình Dũng	4004	BP	28	0	0	0	0	0	0
286	400425	Bùi Thúy Nương	4005	MHP	27	0	0	0	0	0	0
287	400501	Phạm Mạnh Khang	4005	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
288	400502	Lê Thị Tuyết Trinh	4005	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
289	400503	Bùi Minh Thiện	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
290	400504	Nguyễn Phương Thảo	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
291	400505	Đặng Thị Thùy Dương	4005	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
292	400506	Nguyễn Thị Trang	4005	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
293	400507	Vũ Văn Linh	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
294	400508	Nguyễn Thị Anh	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
295	400509	Đặng Thị Mỹ Hạnh	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
296	400510	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
297	400511	Vũ Châu Long	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
298	400512	Nguyễn Tường Vi	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
299	400513	Nguyễn Thùy Trang	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
300	400514	Nguyễn Thị Hải	4005	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
301	400515	Bùi ái Việt	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
302	400516	Nguyễn Tiến Lộc	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
303	400517	Dương Hoàng Anh	4005	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
304	400518	Lê Tùng Linh	4005	MHP	27	0	0	0	0	0	0
305	400519	Vũ Văn Vương	4005	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
306	400520	Đào Ngọc Anh	4005	BT	21	0	0	3,780,000	0	0	3,780,000
307	400522	Hà Thùy Dung	4005	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
308	400523	Hoàng Bích Ngọc	4005	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
309	400524	Phạm Ngô Bảo Ngọc	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
310	400525	Nguyễn Thu Huyền	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
311	400526	Hoàng Hồng Nga	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
312	400527	Trịnh Hương Giang	4005	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
313	400528	Nguyễn Văn San	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
314	400529	Hoàng Chi Phương	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
315	400530	Nguyễn Phương Thảo	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
316	400531	Đỗ Thị Vân	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
317	400532	Đào Thị Thanh Nga	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
318	400533	Bùi Thị Hoàng Yến	4005	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
319	400534	Nguyễn Thị Trâm Anh	4005	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
320	400536	Nguyễn Thị Lương	4005	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
321	400537	Điền Chính Hoàng	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
322	400538	Trần Thị Huyền Trang	4005	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
323	400539	Bùi Khánh Linh	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
324	400540	Bùi Thị Giang	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
325	400541	Nguyễn Thị Linh	4005	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
326	400542	Nguyễn Thị Kim Anh	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
327	400543	Phạm Thị Hồng Nhung	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
328	400545	Vũ Thị Trà My	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
329	400546	Dương Hồng Sơn	4005	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
330	400547	Trần Thị Trang	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
331	400548	Nguyễn Thị Thu Trang	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
332	400549	Hoàng Thị Ly	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
333	400550	Vàng A Lâu	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
334	400551	Lò Thị Thanh	4005	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
335	400552	Tòng Thị Vân	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
336	400553	Phan Thị Thùy Trang	4005	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
337	400554	Nguyễn Thị Hương Ly	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
338	400555	Hoàng Thị Tâm	4005	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
339	400556	Nguyễn Thị Nga	4005	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
340	400557	Tô Thúy Hằng	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
341	400558	Võ Thị Tuyết Mây	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
342	400559	Triệu Thị Thùy	4005	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
343	400560	Lương Thị Lệ Thu	4005	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
344	400561	Phạm Thị Thu Thủy	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
345	400562	Lê Phương Hiền	4005	MHP	15	0	0	0	0	0	0
346	400563	Nguyễn Diệu Linh	4005	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
347	400564	Lã Thị Thanh	4005	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
348	400565	Nông Thị Mai	Trang	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
349	400566	Trần Hoàng	Phú	4005	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
350	400567	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	4005	YCXH	27	0	0	11,610,000	0	0	11,610,000
351	400568	Nguyễn Huy	Khánh	4005	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
352	400569	Hoàng Thị	Danh	4005	CT	25	0	0	0	0	0	0
353	400570	Sùng	Sú	4005	CT	27	0	0	0	0	0	0
354	400571	Đinh Thị	Yên	4005	CT	27	0	0	0	0	0	0
355	400572	Ma Thị Hải	Yên	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
356	400573	Nguyễn Thế	Tiệm	4005	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
357	400574	Vàng A	Nu	4005	BP	27	0	0	0	0	0	0
358	400601	Nguyễn Thị	Hương	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
359	400602	Lại Thu	Trang	4006	MHP	27	0	0	0	0	0	0
360	400603	Đỗ Hoàng	Hiệp	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
361	400604	Vũ Thành	Đạt	4006	BT	0	0	0	0	0	0	0
362	400605	Phùng Hoàng Khánh	Linh	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
363	400606	Lê Thị Trà	My	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
364	400607	Nguyễn Thu	Giang	4006	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
365	400608	Trần Võ Xuân	Thắng	4006	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
366	400609	Nguyễn Thị Thảo	Ly	4006	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
367	400610	Thân Ngọc	Quang	4006	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
368	400612	Phạm Văn	Sơn	4006	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
369	400613	Nguyễn Đình	Hiếu	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
370	400614	Phạm Thị Ngọc	Trâm	4006	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
371	400615	Đỗ Ngọc	Duy	4006	BT	19	0	0	3,420,000	0	0	3,420,000
372	400616	Lưu Thị Hoài	Linh	4006	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
373	400617	Trần Thành	Hưng	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
374	400618	Nguyễn Thảo	My	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
375	400621	Trần Ngọc	Minh	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
376	400622	Lê Tú	Quỳnh	4006	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
377	400623	Đào Thị	Hường	4006	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
378	400625	Điền Thị Thúy	Hằng	4006	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
379	400626	Trần Thị	Trang	4006	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
380	400627	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	4006	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
381	400628	Bùi Thị Hồng	Nhung	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
382	400629	Trần	Danh	4006	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
383	400630	Nguyễn Khánh Toàn	4006	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
384	400631	Pồ Minh Chuyên	4006	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
385	400632	Lê Thị Hương Trang	4006	BT	20	0	0	3,600,000	0	0	3,600,000
386	400633	Nguyễn Văn Sơn	4006	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
387	400634	Vũ Khánh Linh	4006	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
388	400635	Dương Thị Hằng	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
389	400636	Trương ánh Mai	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
390	400637	Nguyễn Phương Linh	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
391	400638	Trần Hoài An	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
392	400639	Trần Thị Liên Hương	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
393	400640	Trần Mỹ Hoa	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
394	400641	Trần Thị Lan Trang	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
395	400642	Đặng Bích Phương	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
396	400643	Trần Thị Mỹ Linh	4006	BT	19	0	0	3,420,000	0	0	3,420,000
397	400644	Cao Thị Thường	4006	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
398	400645	Nguyễn Thị Kim Chi	4006	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
399	400646	Phạm Hồng Nhung	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
400	400647	Cà Thị út	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
401	400648	Triệu Thị Thu Hường	4006	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
402	400649	Kim Thảo Linh	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
403	400650	Trần Thị Thùy	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
404	400651	Nguyễn Thị Huyền	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
405	400652	Nguyễn Thị Thuý Linh	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
406	400653	Quan Thủy Ngân	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
407	400654	Chu Thị Thảo	4006	MHP	27	0	0	0	0	0	0
408	400655	Nguyễn Thị Yên	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
409	400657	Lê Thị Bích Thảo	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
410	400658	Nguyễn Minh Đức	4006	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
411	400659	Phan Thị Phương Thảo	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
412	400660	Tổng Thị Mai	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
413	400661	Nguyễn Thu Thảo	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
414	400662	Nguyễn Quỳnh Lâm	4006	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
415	400663	Phạm Thị Linh	4006	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
416	400664	Hà Thị Quỳnh Chi	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
417	400665	Dương Thị Thục Chinh	4006	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
418	400666	Nguyễn Thị Hà	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
419	400667	Lê Hoài Nam	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
420	400668	Võ Minh Thắng	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
421	400669	Hoàng Thị Hiền	4006	CT	25	0	0	0	0	0	0
422	400670	Lò Thị Phương	4006	CT	27	0	0	0	0	0	0
423	400671	Đàm Thanh Huyền	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
424	400672	Đinh Duy Lực	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
425	400673	Nguyễn Vũ Lâm	4006	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
426	400674	Trần Văn Ba	4006	BP	28	0	0	0	0	0	0
427	400701	Phan Thị Khánh Huyền	4007	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
428	400702	Nguyễn Hiền Lương	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
429	400703	Nguyễn Việt Đức	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
430	400706	Trần Minh Ngọc	4007	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
431	400707	Lê Minh Hùng	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
432	400708	Hoàng Phương Linh	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
433	400709	Ngô Hoàng Hiếu	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
434	400710	Trần Thị Huyền Trang	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
435	400711	Lương Quốc Đình	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
436	400712	Nguyễn Bá Tuấn	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
437	400713	Phạm Thu Huyền	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
438	400714	Nguyễn Thị Ngọc Anh	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
439	400715	Lê Thị Thanh Tâm	4007	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
440	400716	Lê Thị Nhung	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
441	400717	Đào Duy Dũng	4007	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
442	400718	Hoàng Diệu Thúy	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
443	400719	Bùi Ngọc Anh	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
444	400720	Phạm Thúy Hiền	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
445	400721	Trần Mai Hương	4007	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
446	400722	Lê Thị Thùy Dung	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
447	400723	Tổng Thị Chinh	4007	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
448	400724	Bùi Mai Anh	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
449	400725	Nguyễn Diệu Hoa	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
450	400726	Vũ ánh Nguyệt	4007	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
451	400727	Nguyễn Thị Lệ Quyên	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
452	400728	Nguyễn Bảo Ngọc	4007	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
453	400730	Nguyễn Thị Tú Uyên	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
454	400731	Nguyễn Thị Thu Đông	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
455	400733	Nguyễn Thị Yến Nhi	4007	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
456	400735	Nguyễn Thanh Thùy	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
457	400736	Vũ Thị Thanh Xuân	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
458	400737	Lâm Thạch Thảo	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
459	400738	Nguyễn Phương Hà	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
460	400739	Lê Thị Thu Trang	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
461	400740	Mai Hồng Minh	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
462	400741	Đinh Huyền Linh	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
463	400742	Nguyễn Hồng Hạnh	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
464	400743	Nguyễn Thị Hải Hà	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
465	400744	Nguyễn Thị Mai Uyên	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
466	400745	Hà Thị Khánh Linh	4007	BT	24	0	0	4,320,000	0	0	4,320,000
467	400746	Lục Thu Hồng	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
468	400747	Nguyễn Ngọc Lan	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
469	400748	Trần Văn Quỳn	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
470	400749	Hà Ngọc Huyền	4007	MHP	25	0	0	0	0	0	0
471	400750	Vũ Thị Mai Sao	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
472	400751	Lương Thị Hiều	4007	MHP	25	0	0	0	0	0	0
473	400752	Bùi Thị Thu Hà	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
474	400753	Bùi Chính Nghĩa	4007	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
475	400754	Lò Thị Tiêm	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
476	400755	Trần Thị Nga	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
477	400756	Nguyễn Thị Giang	4007	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
478	400757	Nguyễn Nhật Lệ	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
479	400758	Vũ Thanh Bình	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
480	400759	Lê Phùng Thùy Dương	4007	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
481	400760	Trần Hương Giang	4007	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
482	400761	Trần Thị Phương Hoa	4007	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
483	400762	Phạm Thị Hạnh	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
484	400763	Nguyễn Thị Thu Thủy	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
485	400764	Lô Tiến Long	4007	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
486	400765	Chu Thị Hương	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
487	400766	Thào Thuỷ Tiên	4007	YCXH	27	0	0	11,610,000	0	0	11,610,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
488	400767	Bàn Thị Nga	4007	CT	28	0	0	0	0	0	0
489	400768	Ma Bá Lưu	4007	CT	26	0	0	0	0	0	0
490	400769	Hoàng Thị Hiền	4007	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
491	400770	Nguyễn Duy Hường	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
492	400771	Chu Hoàng Vĩ	4007	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
493	400772	Nguyễn Thị Mai Hương	4007	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
494	400773	Đỗ Văn Duy	4007	BP	27	0	0	0	0	0	0
495	400801	Đỗ Thuỳ Duyên	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
496	400802	Vũ Văn Giang	4008	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
497	400803	Dương Anh Tuấn	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
498	400804	Mai Thị Loan	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
499	400805	Nguyễn Thùy Ngân	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
500	400806	Đinh Phương Thảo	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
501	400807	Nghiêm Thị Thảo Ngân	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
502	400808	Nguyễn Việt Hoàng	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
503	400809	Nguyễn Thị Thu Hà	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
504	400810	Nguyễn Thị Thu Hường	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
505	400811	Đỗ Duy Khánh	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
506	400812	Đinh Thị Ngân	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
507	400813	Đỗ Thị Thơm	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
508	400814	Ma Doãn Thế	4008	MHP	27	0	0	0	0	0	0
509	400815	Trần Nhật Tân	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
510	400816	Nguyễn Thị Mai Anh	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
511	400818	Nguyễn Vương Hà	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
512	400819	Nguyễn Thị Quỳnh	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
513	400820	Lê Đức Anh	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
514	400821	Nguyễn Việt Dũng	4008	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
515	400822	Phạm Khánh Linh	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
516	400823	Hoàng Thu Hương	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
517	400824	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
518	400825	Vũ Thị Nga	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
519	400826	Nguyễn Thúy An	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
520	400827	Nguyễn ánh Ngọc	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
521	400829	Nguyễn Như Vân	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
522	400830	Nguyễn Thùy Linh	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
523	400831	Nghiêm Ngọc ánh	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
524	400832	Lý Thị Ngọc Trâm	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
525	400833	Bùi Thị Ngọc Anh	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
526	400834	Hoàng Thị Thúy Vi	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
527	400835	Đỗ Hải ánh	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
528	400836	Nguyễn Thúy Quỳnh	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
529	400837	Nguyễn Hà Anh	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
530	400838	Lê Thị Minh	4008	GHP	27	0	0	24,300	0	0	24,300
531	400839	Nguyễn Thị Linh	4008	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
532	400840	Nguyễn Thị Thu Hà	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
533	400841	Nguyễn Văn Bình	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
534	400842	Hoàng Thanh Xuân	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
535	400843	Ngô Tuấn Ngọc	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
536	400844	Trần Thanh Thủy	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
537	400845	Nguyễn Giang Uy	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
538	400846	Hà Thị Quỳnh	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
539	400847	Trình Hoàng Vũ	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
540	400848	Hoàng Thu Hoàn	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
541	400849	Hoàng Phương Anh	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
542	400850	Nguyễn Thị Hà Thương	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
543	400851	Ma Thị Thanh Tâm	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
544	400852	Lê Thị Minh Thảo	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
545	400853	Lê Thị Minh Thu	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
546	400854	Vương Thị Linh Chi	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
547	400855	Nguyễn Đức Công	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
548	400856	Vàng Thị ánh	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
549	400857	Triệu Thị Hương	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
550	400858	Hoàng Thị Lan Anh	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
551	400859	Dương Thị Bích Phượng	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
552	400860	Triệu Diễm Quỳnh	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
553	400861	Nguyễn Thị Hương	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
554	400862	Phạm Thị Loan	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
555	400863	Bùi Thị Tuyết Chinh	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
556	400864	Vũ Thị Hiền	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
557	400865	Nguyễn Văn Điệp	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
558	400866	Trần Thanh Huyền	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
559	400867	Trương Thị Hoài	4008	CT	27	0	0	0	0	0	0
560	400868	Hà Kiều Mi	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
561	400869	Lý Tú Linh	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
562	400870	Bùi Văn Kiên	4008	CT	27	0	0	0	0	0	0
563	400871	Bàn Văn Quang	4008	CT	27	0	0	0	0	0	0
564	400873	Lê Thiên Đại	4008	BP	27	0	0	0	0	0	0
565	400901	Đặng Vũ Hùng	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
566	400902	Nguyễn Hà Vi	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
567	400903	Phạm Thị Hương	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
568	400904	Nguyễn Đức Tiến	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
569	400905	Trần Hải Ly	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
570	400906	Lâm Quang An	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
571	400907	Phan Thị Khánh Hòa	4009	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
572	400908	Nguyễn Minh Chiến	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
573	400909	Lê Quỳnh Mai	4009	BT	20	0	0	3,600,000	0	0	3,600,000
574	400910	Vũ Ngọc Mai	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
575	400911	Nguyễn Văn Đạt	4009	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
576	400912	Lê Gia Thịnh	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
577	400913	Vi Công Sang	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
578	400914	Lùng Tuyết Nhi	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
579	400915	Tiêu Thị Thu Trang	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
580	400916	Phạm Thị Oanh	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
581	400917	Phạm Quốc Khánh	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
582	400920	Lê Diệp Anh	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
583	400921	Trần Thị Khánh Linh	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
584	400923	Trịnh Thị Tố Uyên	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
585	400924	Phạm Thị Hồng Hạnh	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
586	400925	Nguyễn Thái Sơn	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
587	400926	Trình Minh Anh	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
588	400927	Lã Hải An	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
589	400929	Vũ Thị Bích Ngọc	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
590	400931	Chu Thị Phương Thùy	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
591	400932	Phạm Thu Huyền	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
592	400933	Lê Hồng Anh	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
593	400935	Trần Thị Thúy	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
594	400936	Nguyễn Hồng Nhung	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
595	400937	Đỗ Thị Quỳnh Anh	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
596	400938	Bùi Ngọc Trang	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
597	400939	Lã Thị Bích Huệ	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
598	400940	Hoàng Thị Minh Hương	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
599	400941	Nguyễn Văn Anh	4009	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
600	400942	Nguyễn Duy Long	4009	BT	24	0	0	4,320,000	0	0	4,320,000
601	400943	Nguyễn Hồng Nhung	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
602	400944	Đặng Việt Hà	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
603	400945	Lại Thị Bình Huế	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
604	400946	Lý Thị Thanh Huế	4009	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
605	400947	Bàn Thị Vân	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
606	400948	Đặng Thị Thu Hằng	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
607	400949	Hoàng Thị Sa	4009	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
608	400950	Sùng Thị Vang	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
609	400951	Đặng Thị Nga	4009	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
610	400952	Nguyễn Minh Huyền	4009	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
611	400953	Lương Thị Hồng Nhung	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
612	400954	Trương Thị Oanh	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
613	400955	Lê Thúy Nga	4009	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
614	400956	Nguyễn Thị Thu Hương	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
615	400957	Nguyễn Lưu Ly	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
616	400958	Vũ Thị ánh Tuyết	4009	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
617	400959	Nguyễn Thị Ngọc Châu	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
618	400960	Nguyễn Trang Ly	4009	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
619	400961	Phùng Minh Dũng	4009	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
620	400962	Lê Đình Đạt	4009	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
621	400963	Vũ Thị Bích Châm	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
622	400964	Nguyễn Khánh Duy	4009	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
623	400965	Phan Thị Thanh Tâm	4009	CT	27	0	0	0	0	0	0
624	400966	Trần Quốc Định	4009	CT	25	0	0	0	0	0	0
625	400967	Trần Thị Thu Hà	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
626	400968	Lý Thị Thương	4009	CT	27	0	0	0	0	0	0
627	400969	Lâm Thị Tuyền	4009	CT	25	0	0	0	0	0	0

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
628	400971	Hoàng Thị Liên	4009	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
629	400972	Vy Minh Hiếu	4009	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
630	400973	Nghiêm Thị Tam	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
631	400974	Nguyễn Văn Linh	4009	BP	27	0	0	0	0	0	0
632	401001	Đoàn Thuỳ Dung	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
633	401002	Vũ Lê Việt Anh	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
634	401003	Phan Thị Lệ	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
635	401004	Nông Thị Kim Liên	4010	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
636	401005	Nguyễn Văn Hải	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
637	401006	Nguyễn Đăng Thắng	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
638	401007	Dương Thị Thạch Thảo	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
639	401008	Trần Đình Mạnh	4010	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
640	401009	Hoàng Ngọc Giang	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
641	401011	Lê Thị Mai Linh	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
642	401012	Trần Thị Thanh Trà	4010	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
643	401013	Phạm Đăng Quý	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
644	401014	Trần Ly Ly	4010	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
645	401015	Trần Quỳnh Dương	4010	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
646	401016	Vũ Thị Trang	4010	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
647	401017	Võ Văn Bắc	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
648	401018	Tổng Kiên Định	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
649	401020	Nguyễn Thị Hồng	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
650	401021	Trần Thị Tho	4010	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
651	401022	Nguyễn Thúy Hiền	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
652	401023	Bùi Thị Phương Anh	4010	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
653	401024	Nguyễn Thị Khánh Huyền	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
654	401025	Đỗ Tiến Diễm	4010	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
655	401026	Phạm Thị Minh Nguyệt	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
656	401027	Vũ Hà Quỳnh	4010	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
657	401028	Ngô Chi Linh	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
658	401029	Phạm Thị Phương Lan	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
659	401030	Nguyễn Vân Thanh	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
660	401031	Ngô Minh Hoàng	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
661	401033	Lê Thị Thúy Nga	4010	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
662	401034	Nguyễn Thị Như Quỳnh	4010	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
663	401035	Nguyễn Thị Linh Trang	4010	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
664	401037	Chu Quốc Toàn	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
665	401038	Nguyễn Ngân Hà	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
666	401039	Nguyễn Ngọc Anh	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
667	401041	Nguyễn Thị Anh Thư	4010	MHP	27	0	0	0	0	0	0
668	401042	Lê Thị Thu Hoài	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
669	401043	Hoàng Lan	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
670	401044	Bùi Thu Thủy	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
671	401045	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
672	401046	Nguyễn Thùy Linh	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
673	401047	Lý Thị Bích Nguyệt	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
674	401048	Hà Thị Thu Đẹp	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
675	401050	Hà Thị Hằng	4010	MHP	27	0	0	0	0	0	0
676	401051	Lò Thị Nhâu	4010	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
677	401052	Bàn Thị Dung	4010	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
678	401053	Phùng Thị Kiều Trinh	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
679	401054	Lò Thị Tố Uyên	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
680	401055	Nguyễn Mạnh Linh	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
681	401056	Nguyễn Thị Thanh Huyền	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
682	401057	Lý Thùy Linh	4010	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
683	401058	Nguyễn Thị Minh Thư	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
684	401059	Lê Thị Khánh Ly	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
685	401060	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
686	401061	Triệu Thị Kim Dung	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
687	401062	Lý Thị Thu Huyền	4010	MHP	27	0	0	0	0	0	0
688	401063	Nông Thị Vân Hoa	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
689	401064	Lò Việt Anh	4010	YCXH	27	0	0	11,610,000	0	0	11,610,000
690	401065	Hà Thanh Thanh	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
691	401066	Hồ Thị Lia	4010	CT	25	0	0	0	0	0	0
692	401067	Cao Thị Hương	4010	MHP	25	0	0	0	0	0	0
693	401068	Sùng Thanh Hóa	4010	CT	27	0	0	0	0	0	0
694	401069	Bàn Hữu Chung	4010	CT	27	0	0	0	0	0	0
695	401070	Hoàng Thục Trinh	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
696	401071	Lý Thị Quỳnh	4010	CT	27	0	0	0	0	0	0
697	401072	Nguyễn Thị Thảo	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
698	401073	Nông Thị Hạnh	4010	MHP	27	0	0	0	0	0	0
699	401074	Nông Văn Đại	4010	BP	27	0	0	0	0	0	0
700	401101	Lò Thị Lệ	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
701	401102	Nguyễn Thị Phương Thảo	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
702	401103	Hoàng Thị Liên	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
703	401104	Lê Thị Hồng Vi	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
704	401105	Phạm Thanh Tùng	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
705	401106	Bùi Thị Quỳnh Anh	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
706	401107	Nguyễn Thị Hồng Duyên	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
707	401108	Dương Thị Ngọc ánh	4011	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
708	401109	Nguyễn Văn Nam	4011	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
709	401110	Vũ Thị Thúy Nga	4011	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
710	401111	Nguyễn Thị Nga	4011	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
711	401112	Bùi Quốc Cường	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
712	401113	Đoàn Thị Chính	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
713	401114	Lò Thị Tươi	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
714	401115	Nguyễn Mai Phương	4011	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
715	401116	Phạm Hoàng Chơn	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
716	401117	Nguyễn Hương Giang	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
717	401119	Bê Ngọc ánh	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
718	401120	Nguyễn Thị Thu Hà	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
719	401121	Nguyễn Thị Phụng	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
720	401122	Nguyễn Thị Tiến	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
721	401123	Nguyễn Mạnh Trí	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
722	401124	Ngô Thị Phương Ngân	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
723	401126	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
724	401127	Phan Như Quỳnh	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
725	401128	Nguyễn Lâm Oanh	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
726	401129	Hoàng Thị Niệm	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
727	401130	Ngô Hương Ly	4011	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
728	401131	Nguyễn Thị Hải Yến	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
729	401132	Bùi Thị Phương Linh	4011	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
730	401133	Lê Khánh Linh	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
731	401134	Trần Thị Cẩm Tú	4011	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
732	401135	Nguyễn Thị Hà Ly	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
733	401136	Trần Thuận ánh	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
734	401137	Lê Thị Giang	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
735	401138	Chu Thị Na	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
736	401139	Nguyễn Thị Thu	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
737	401140	Phùng Thị Ngọc Trinh	4011	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
738	401141	Nguyễn Tiến Đạt	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
739	401142	Nguyễn Hữu Thọ	4011	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
740	401143	Trần Hoàng ánh	4011	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
741	401144	Thái Thị Hạnh	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
742	401145	Phạm Thị Minh Loan	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
743	401146	Bùi Thanh Tùng	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
744	401147	Lô Thị ánh Minh	4011	MHP	24	0	0	0	0	0	0
745	401148	Quảng Thị Thanh	4011	MHP	27	0	0	0	0	0	0
746	401149	Trần Thị Huyền Trang	4011	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
747	401150	Nguyễn Phương Trang	4011	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
748	401151	Nông Thị Quyên	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
749	401152	Phạm Thị Kiều Linh	4011	BT	19	0	0	3,420,000	0	0	3,420,000
750	401153	Thên Mai Ngọc	4011	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
751	401154	Nguyễn Thị Dịu	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
752	401155	Nguyễn Nhật Linh	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
753	401156	Nguyễn Thị Hồng Nhung	4011	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
754	401157	Nguyễn Thị Hồng	4011	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
755	401158	Đinh Thị Huyền	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
756	401159	Nguyễn Thị Lan Hương	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
757	401160	Đàm Nhật Linh	4011	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
758	401161	Nguyễn Văn Tùng	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
759	401162	Nguyễn Thị Hiền	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
760	401163	Trần Ngọc Mai	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
761	401164	Đàm Việt Lâm	4011	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
762	401165	Lò Trung Thành	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
763	401166	Lạc Thị Mai	4011	MHP	27	0	0	0	0	0	0
764	401167	Ma Văn Thành	4011	CT	25	0	0	0	0	0	0
765	401168	Lương Hoàng Vũ	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
766	401169	Hoàng Văn Bảo	4011	CT	27	0	0	0	0	0	0
767	401170	Mai Hồng Xiêm	4011	CT	27	0	0	0	0	0	0

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
768	401171	Phạm Thị Huyền Trang	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
769	401172	Vi Thị Thảo Ly	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
770	401173	Lương Anh Thái	4011	BP	27	0	0	0	0	0	0
771	401201	Lò Thị Kiêm	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
772	401202	Phạm Minh Quang	4012	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
773	401203	Lê Anh Đức	4012	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
774	401205	Nguyễn Thị Mỹ Linh	4012	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
775	401206	Nguyễn Thị Mỹ Linh	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
776	401207	Nguyễn Thị Thu Thảo	4012	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
777	401208	Phạm Thị Quỳnh Hoa	4012	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
778	401209	Ngô Thị Phương	4012	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
779	401210	Nguyễn Văn Lâm	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
780	401211	Đinh Chí Linh	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
781	401212	Bùi Văn Chung	4012	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
782	401213	Vũ Thị Tâm Chinh	4012	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
783	401214	Đặng Bá Mạnh	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
784	401215	Nguyễn Hữu Ngọc	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
785	401216	Vương Tùng Lâm	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
786	401218	Nguyễn Diệu Anh	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
787	401219	Lê Thị Thùy	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
788	401220	Nguyễn Nguyệt ánh	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
789	401221	Hoàng Thị Quỳnh Diệp	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
790	401223	Đoàn Thị Nhân	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
791	401224	Nguyễn Minh Hằng	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
792	401225	Nguyễn Thị Thương Huyền	4012	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
793	401226	Trần Huy Khánh	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
794	401227	Cao Hà Linh	4012	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
795	401228	Nguyễn Thúy Ngọc	4012	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
796	401229	Nguyễn Hải Nam	4012	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
797	401230	Nguyễn Kim Anh	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
798	401231	Hà Thị Thùy Linh	4012	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
799	401232	Nguyễn Cẩm Tú	4012	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
800	401233	Trịnh Hải Anh	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
801	401234	Trần Thị Huyền Trâm	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
802	401235	Trần Văn Chuẩn	4012	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
803	401236	Đặng Thị Hằng	4012	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
804	401237	Hoàng Thị Nguyệt	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
805	401239	Trần Hồng Minh	4012	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
806	401240	Lê Thị Mai Hương	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
807	401241	Bùi Thị Hải Linh	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
808	401242	Nguyễn Thị Thu Thủy	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
809	401243	Nguyễn Thị Thanh Hà	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
810	401244	Hoàng Ngọc Anh	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
811	401245	Hoàng Thị Ninh	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
812	401246	Lê Văn Tùng	4012	BT	19	0	0	3,420,000	0	0	3,420,000
813	401247	Tổng Văn Tài	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
814	401248	Phạm Mai Trang	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
815	401249	Trần Diệu Linh	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
816	401250	Nông Thu Hồng	4012	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
817	401251	Nguyễn Thị Ngọc Dung	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
818	401252	Lao Thị Hồng Hoài	4012	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
819	401253	Nguyễn Thị Anh	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
820	401254	Hoàng Thị Linh Chi	4012	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
821	401255	Lý Thị Tuyết Nhung	4012	MHP	25	0	0	0	0	0	0
822	401256	Hoàng Thị Lành	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
823	401257	Phạm Thị Giang	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
824	401258	Phạm Việt Trinh	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
825	401259	Trịnh Thị Như Quỳnh	4012	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
826	401260	Lê Thị Loan	4012	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
827	401261	Triệu Thị ThỊnh	4012	MHP	27	0	0	0	0	0	0
828	401262	Đàm Thị Huyền Trân	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
829	401263	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	4012	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
830	401264	Nguyễn Thị Yên Nhi	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
831	401265	Chu Hoàng Khánh Linh	4012	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
832	401266	Lục Thanh Thảo	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
833	401267	Đàm Thị Kim Dung	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
834	401268	Lương ý Dung	4012	MHP	25	0	0	0	0	0	0
835	401269	Đinh Thị Hoài Linh	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
836	401271	Ma Lưu Lai	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
837	401272	Nguyễn Thị Hà Trang	4012	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
838	401273	Đinh Quốc	Khánh	4012	BP	27	0	0	0	0	0	0
839	401301	Vũ Thị	Dương	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
840	401302	Hoàng Thị	Thảo	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
841	401304	Hà Thảo	Ly	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
842	401305	Nguyễn Thị Nguyên	Thảo	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
843	401306	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
844	401307	Đỗ Thị Quỳnh	Thu	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
845	401308	Nguyễn Thị Phương	Thảo	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
846	401309	Phạm Thị Thanh	Tĩnh	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
847	401310	Phan Văn	Minh	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
848	401311	Nguyễn Anh	Đức	4013	MHP	27	0	0	0	0	0	0
849	401312	Nguyễn Linh	Trang	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
850	401313	Hoàng Kim	Thái	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
851	401314	Ma Thế	Hào	4013	MHP	27	0	0	0	0	0	0
852	401315	Nguyễn Ngọc	Tú	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
853	401316	Nguyễn Việt	Anh	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
854	401317	Nguyễn Thùy	Giang	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
855	401319	Nguyễn Ngọc	Mai	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
856	401321	Phan Cẩm	Tú	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
857	401322	Nguyễn Duy	Mạnh	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
858	401323	Trần Ngọc	Anh	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
859	401324	Phan Thị Thu	Hoài	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
860	401326	Nguyễn Thị Kim	Anh	4013	BT	19	0	0	3,420,000	0	0	3,420,000
861	401327	Lữ Thị Thảo	Trình	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
862	401328	Vi Ngọc	Diệp	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
863	401329	Phùng Thị Minh	Phượng	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
864	401330	Trần Thị Hải	Yến	4013	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
865	401331	Đỗ Thị	Hường	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
866	401332	Trần Minh	Phương	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
867	401334	Hoàng Hải	Ly	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
868	401335	Đoàn Hồng	Nhung	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
869	401337	Đậu Thị	Mai	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
870	401339	Hoàng Trần Anh	Minh	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
871	401340	Lê Đình	Hiệp	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
872	401341	Đinh Thị Minh	Nguyệt	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
873	401342	Lê Thị Khánh	Huyền	4013	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
874	401343	Nguyễn Thu	Trang	4013	BT	20	0	0	3,600,000	0	0	3,600,000
875	401344	Phạm Thủy	Tiên	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
876	401345	Hoàng Văn	Toàn	4013	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
877	401346	Nguyễn Thị	Vân	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
878	401347	Vương	Tin	4013	MHP	28	0	0	0	0	0	0
879	401348	Hoàng Thị Thu	Hương	4013	BT	22	0	0	3,960,000	0	0	3,960,000
880	401349	Nguyễn Thị	Hằng	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
881	401350	Đoàn Thị Phương	Trinh	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
882	401351	Đặng Thủy	Vân	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
883	401352	Lao Thị Ngọc	ánh	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
884	401353	Nguyễn Đình	Cảnh	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
885	401354	Nguyễn Thị Hằng	Nga	4013	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
886	401355	Phạm Lâm	Oanh	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
887	401356	Nhữ Thị Ngọc	ánh	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
888	401357	Phạm Thị	Hằng	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
889	401358	Phan Thị	Thương	4013	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
890	401359	Bùi Thị Hoài	My	4013	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
891	401360	Đặng Thị	Bảy	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
892	401361	Hoàng Thị	Loan	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
893	401362	Hà Thị Kim	Liên	4013	MHP	27	0	0	0	0	0	0
894	401363	Ma Phương	Anh	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
895	401364	Đồng Mai	Phương	4013	MHP	27	0	0	0	0	0	0
896	401365	Lê Đức	Công	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
897	401366	Sầm Thị Thanh	Thủy	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
898	401367	Hoàng Phương	Dung	4013	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
899	401368	Dương Văn	Khải	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
900	401369	Nông Thị Thảo	Nhi	4013	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
901	401370	Lộc Quang	Vũ	4013	CT	27	0	0	0	0	0	0
902	401371	Vũ Minh	Tuấn	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
903	401372	Trịnh Thị	Châm	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
904	401373	Đàm Ngọc	Sang	4013	BP	27	0	0	0	0	0	0
905	401401	Dương Như	Quỳnh	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
906	401402	Nguyễn Thị Hương	Giang	4014	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
907	401403	Nguyễn Cao	Đạt	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
908	401404	Phạm Ngọc ánh	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
909	401405	Lâu A Thỉnh	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
910	401406	Đào Thị Giang	4014	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
911	401407	Trần Hồng Ngọc	4014	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
912	401408	Nguyễn Huy Sơn	4014	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
913	401409	Hoàng Minh Đức	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
914	401410	Đỗ Thị Thúy Hằng	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
915	401411	Nguyễn Thị Ngọc Yến	4014	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
916	401412	Lâm Thanh Bình	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
917	401413	Lê Thị Thuỳ Dung	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
918	401414	Nguyễn Thị Thu Hiền	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
919	401415	Lương Thu Trang	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
920	401416	Dương Thị Thư	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
921	401417	Phạm Thị Nam Phương	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
922	401418	Nguyễn Thị Thu Hà	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
923	401419	Thái Thị Thúy Anh	4014	MHP	25	0	0	0	0	0	0
924	401420	Nguyễn Hải Yến	4014	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
925	401421	Trần Diệu Linh	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
926	401422	Đặng Thị Lợi	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
927	401423	Nguyễn Việt Bách	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
928	401425	Phạm Minh Trang	4014	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
929	401426	Đàm Minh Hằng	4014	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
930	401427	Nguyễn Quang Tùng	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
931	401428	Nguyễn Thị Diệu Mỹ	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
932	401429	Trần Ngọc Quỳnh	4014	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
933	401430	Lý Thị Thu Hương	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
934	401431	Nguyễn Thị Kim Cúc	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
935	401432	Nghiêm Thị Thơ	4014	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
936	401433	Lê Thị Bằng Giang	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
937	401434	Hoàng Thị Quỳnh Trang	4014	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
938	401435	Hoàng Tú Anh	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
939	401436	Trần Thị Phương Thảo	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
940	401437	Hà Hạnh Thu	4014	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
941	401438	Lê Khánh Linh	4014	BT	21	0	0	3,780,000	0	0	3,780,000
942	401439	Bùi Thị Hà Trang	4014	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
943	401441	Nguyễn Văn Dương	4014	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
944	401442	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	4014	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
945	401443	Nguyễn Thị Minh Tú	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
946	401444	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	4014	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
947	401445	Châu Thị Đẹp	4014	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
948	401446	Vũ Hải Anh	4014	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
949	401447	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	4014	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
950	401448	Nguyễn Hải Lê	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
951	401449	Nguyễn Thị Thùy Dung	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
952	401450	Mã Thị Thanh	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
953	401451	Lường Văn Khiêm	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
954	401452	Đặng Thị Múi	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
955	401453	Nguyễn Thị Thanh Hải	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
956	401454	Lý A Chớ	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
957	401455	Bùi Thị Băng Trinh	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
958	401456	Phạm Hồng Sơn	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
959	401457	Nông Thị Mến	4014	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
960	401458	Lương Thị Huyền Trang	4014	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
961	401459	Lương Thị Bình	4014	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
962	401460	Đỗ Thu Nga	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
963	401461	Phạm Thị Loan	4014	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
964	401462	Triệu Thị Quyết	4014	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
965	401463	Nguyễn Văn Thành	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
966	401464	Đàm Thị Mỹ Linh	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
967	401465	Trương Hà Nam	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
968	401466	Mạch Hồng Sơn	4014	CT	28	0	0	0	0	0	0
969	401467	Nguyễn Anh Dũng	4014	YCXH	28	0	0	12,040,000	0	0	12,040,000
970	401468	Nguyễn Văn Tùng	4014	CT	25	0	0	0	0	0	0
971	401469	Lý Thị Thu Hà	4014	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
972	401470	Vì Thị Thu	4014	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
973	401471	Lâm Thị Vượng	4014	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
974	401472	Hoàng Thị Hồng Nhung	4014	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
975	401473	Nguyễn Đức Tài Minh	4014	BP	27	0	0	0	0	0	0
976	401501	Nguyễn Bình Dương	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
977	401502	Nguyễn Tùng Dương	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
978	401503	Nguyễn Thị Dịu	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
979	401504	Nguyễn Văn Huy	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
980	401505	Đỗ Mạnh Tùng	4015	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
981	401506	Quán Vi Xuân Sang	4015	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
982	401508	Bùi Phương Thảo	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
983	401509	Nguyễn Thị Nhân	4015	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
984	401510	Phạm Thị Thanh Thanh	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
985	401511	Lâm Đức Mạnh	4015	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
986	401512	Nguyễn Thị Hương Anh	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
987	401513	Lưu Thị Hà	4015	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
988	401514	Nguyễn Thị Thu Huyền	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
989	401515	Nguyễn Thị Hoàng Giang	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
990	401516	Lê Thị Thơm	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
991	401517	Nguyễn Kim Hoàn	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
992	401518	Trần Thị Hồng Anh	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
993	401519	Đào Thị Huyền Trang	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
994	401520	Nguyễn Kiều Trinh	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
995	401521	Trần Huệ Trinh	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
996	401523	Nguyễn Thị Xong Ngân	4015	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
997	401524	Lê Phương An	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
998	401525	Bùi Thị Dung	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
999	401526	Hoàng Thị Lan Hương	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1000	401528	Phạm Thị Vân	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1001	401529	Lê Thùy Dương	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1002	401530	Lăng Thị Hoa	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1003	401531	Đoàn Thị Khánh Hòa	4015	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1004	401532	Trịnh Thị Trâm Anh	4015	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1005	401533	La Thị Ngọc Châm	4015	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1006	401534	Dương Minh Trang	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1007	401535	Phạm Minh Châu	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1008	401536	Vũ Diệu Hoàn	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1009	401537	Nguyễn Thị Thu Thảo	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1010	401538	Thiều Ngọc Sơn	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1011	401539	Lường Thị Thanh	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1012	401540	Nguyễn Thị Nhật Linh	4015	GHP	27	0	0	24,300	0	0	24,300

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1013	401541	Nguyễn Thị Huệ	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1014	401543	Trần Minh Khải	4015	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1015	401544	Nguyễn Thị Mai	4015	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1016	401545	Võ Khánh Bách	4015	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1017	401546	Trần Uyên Chi	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1018	401547	Hà ánh Ngọc	4015	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1019	401548	Lê Trọng Đạt	4015	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1020	401549	Phạm Mai Thảo	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1021	401550	Nông Thị Son	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1022	401551	Dương Thị Thu Hương	4015	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1023	401552	Hoàng Thị Len	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1024	401553	Cao Thị Thu Hoài	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1025	401554	Thào A Chứ	4015	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1026	401555	Trần Lan Hương	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1027	401556	Nguyễn Mai Quỳnh Trang	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1028	401557	Chu Thị Duyên	4015	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1029	401558	Nguyễn Thị Hiền	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1030	401559	Đặng Thị Hồng ánh	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1031	401560	Vàng Thị Cúc	4015	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1032	401561	Nguyễn Việt Hà	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1033	401562	Bùi Thị Mỹ Duyên	4015	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1034	401563	Nguyễn Thị Phương Thảo	4015	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1035	401564	Cao Thị Hồng Nhung	4015	BT	21	0	0	3,780,000	0	0	3,780,000
1036	401565	Bùi Thị Thúy Quỳnh	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1037	401566	Đàm Anh Tự	4015	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1038	401567	Đào Thái Phương	4015	CT	27	0	0	0	0	0	0
1039	401568	Hoàng Thị Lê Na	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1040	401569	Lục Thảo Hiếu	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1041	401570	Ma Văn Thức	4015	CT	27	0	0	0	0	0	0
1042	401571	Lương Hoàng Thảo Chi	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1043	401572	Thiều Thị Trinh	4015	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
1044	401590	Lường Thị Hồng	4015	YCXH	0	0	0	0	0	0	0
1045	401601	Nông Thanh Giang	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1046	401602	Nguyễn Thị Thu Chuyên	4016	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1047	401603	Vũ Hồng Hạnh	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1048	401604	Trần Ngọc Lê	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1049	401605	Lê Thị Phương Anh	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1050	401606	Lưu Thành Tâm	4016	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1051	401607	Ngô Thị Thùy Dung	4016	GHP	27	0	0	24,300	0	0	24,300
1052	401608	Nguyễn Thị Hoàng Lan	4016	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1053	401609	Phạm Thị Khánh Hòa	4016	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1054	401610	Đinh Văn Hiệu	4016	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1055	401611	Phùng Thị Mơ	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1056	401612	Trần Đình Thắng	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1057	401613	Trịnh Việt Cường	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1058	401614	Vũ Thị Hải Yến	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1059	401615	Lê Thị ánh	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1060	401616	Hà Hải Nam	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1061	401617	Hà Huy Quyền	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1062	401618	Nguyễn Thị Diệu Linh	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1063	401619	Dương Ngọc Lan	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1064	401620	Nguyễn Thị Huyền Anh	4016	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1065	401621	Trần Đức Hạnh	4016	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1066	401622	Đào Thị Bích Phương	4016	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1067	401626	Lê Thị Thúy Hằng	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1068	401627	Nguyễn Ngọc Anh	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1069	401628	Bùi Hải Yến	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1070	401629	Hoàng Vân Anh	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1071	401630	Trần Hải Đăng	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1072	401631	Nguyễn Quang Quyền	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1073	401632	Nguyễn Trần Phương Thảo	4016	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1074	401633	Nguyễn Nhật Linh	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1075	401634	Phạm Thị Thanh Hương	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1076	401635	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1077	401636	Nguyễn Thị Thùy Trang	4016	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1078	401637	Phạm Minh Hiếu	4016	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1079	401638	Phan Thị Bảo Khuyên	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1080	401639	Hồ Thị Hiền	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1081	401640	Nguyễn Thị Hạnh Nguyên	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1082	401641	Trần Thị Minh Huyền	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1083	401643	Bùi Thúy Hồng	4016	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1084	401644	Bùi ánh Ngọc	4016	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1085	401645	Trần Phương Anh	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1086	401646	Lê Sỹ Cường	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1087	401647	Ngô Thuỳ Trang	4016	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1088	401648	Lò Đức Giang	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1089	401649	Bùi Thị Hồng Anh	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1090	401650	Nguyễn Thị Vân Anh	4016	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1091	401651	Dương Thị Thùy Ngân	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1092	401652	Nguyễn Thị Linh	4016	BT	23	0	2	4,140,000	0	360,000	4,500,000
1093	401653	Ma Thị ánh	4016	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1094	401654	Thào A Pó	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1095	401655	Diệp Thị Thiện	4016	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1096	401656	Nguyễn Khánh Linh	4016	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1097	401657	Trương Thị ánh Tuyết	4016	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1098	401658	Nông Thị Loan	4016	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1099	401659	Phan Thị Thanh Hải	4016	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1100	401660	Nguyễn Thị Định	4016	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1101	401661	Lê Thị Thanh Huyền	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1102	401662	Trần Thị Oanh	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1103	401663	Mạc Quỳnh Anh	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1104	401664	Lê Thị Thư	4016	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
1105	401665	Giàng Thị Pảng	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1106	401666	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	4016	YCXH	25	0	0	10,750,000	0	0	10,750,000
1107	401667	Trương Văn Hường	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1108	401668	Nguyễn Thanh Thuận	4016	CT	25	0	0	0	0	0	0
1109	401669	Đinh Thị Phương	4016	CT	27	0	0	0	0	0	0
1110	401670	Hoàng Văn Hưng	4016	YCXH	27	0	0	11,610,000	0	0	11,610,000
1111	401671	Nguyễn Văn Lực	4016	YCXH	27	0	0	11,610,000	0	0	11,610,000
1112	401672	Chu Thị Oanh	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1113	401690	Hà Thị Minh Ngọc	4016	YCXH	0	0	0	0	0	0	0
1114	401701	Bùi Huyền Trang	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1115	401702	Dương Kiều Anh	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1116	401703	Nguyễn Văn Tuyển	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1117	401704	Trần Thị Hồng	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1118	401705	Trịnh Tố Uyên	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1119	401706	Nguyễn Ngọc Tú	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1120	401707	Đào Lê Minh Trang	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1121	401708	Tạ Kiều Trang	4017	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1122	401709	Vũ Minh Châu	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1123	401711	Vũ Thị Hương Giang	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1124	401712	Trương Hoài Thu Hương	4017	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
1125	401713	Trần Phương Uyên	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1126	401714	Phạm Thị ánh	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1127	401715	Phạm Thị Thu Trà	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1128	401716	Bùi Thị Linh	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1129	401717	Trần Xuân Thiện	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1130	401718	Trần Thị Hương Thơm	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1131	401719	Vũ Thị Phương Thảo	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1132	401720	Nguyễn Thị Huệ Chi	4017	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1133	401721	Tô Thị Hương Ly	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1134	401723	Trần Hoàng Anh	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1135	401724	Chu Tuệ Anh	4017	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1136	401725	Trần Thị Minh Hằng	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1137	401726	Văn Thị Ngọc	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1138	401727	Doãn Ngọc ánh	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1139	401728	Nguyễn Thanh Mai	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1140	401729	Lê Trâm Anh	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1141	401730	Nguyễn Hoàng Ngọc Chi	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1142	401731	Giang Bảo Ngọc	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1143	401732	Nguyễn Hồ Hoàng Yên	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1144	401733	Trần Huyền Trang	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1145	401734	Ngô Thị Linh Huyền	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1146	401735	Nguyễn Khánh Hạ	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1147	401736	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1148	401737	Hoàng Khánh Linh	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1149	401738	Hoàng Tuấn Anh	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1150	401739	Hoàng Thị Thương	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1151	401740	Lê Thị Hồng Xoan	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1152	401741	Nguyễn Thành Minh	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1153	401742	Đỗ Ngọc Anh	4017	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1154	401743	Nguyễn Thị Hải Huyền	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1155	401744	Nông Thị Xâm	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1156	401745	Phạm Thị ánh	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1157	401746	Bùi Thị Trà My	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1158	401747	Nguyễn Thị Hằng	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1159	401748	Nguyễn Thị Thanh Mai	4017	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1160	401749	Hoàng Thu Hương	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1161	401750	Bùi Thị Lan Anh	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1162	401751	Trần Thu Ngân	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1163	401752	Hoàng Thị Chiên	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1164	401753	Vương Thị Tuyết Trinh	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1165	401754	Nguyễn Thị Hà	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1166	401755	Triệu Thùy Linh	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1167	401756	Dương Thị Hồng Nhung	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1168	401757	Lê Thị Hà	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1169	401758	Nguyễn Thị Bích Ngọc	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1170	401759	Nguyễn Thị Quỳnh Như	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1171	401760	Bùi Thị Mến	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1172	401761	Vũ Thị Phương	4017	BT	21	0	0	3,780,000	0	0	3,780,000
1173	401762	Hà Thị Bình	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1174	401763	Nguyễn Thị Như Ngọc	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1175	401764	Tân Thị Thảo	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1176	401765	Nguyễn Thị Thanh	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1177	401767	Triệu Văn Vượng	4017	CT	28	0	0	0	0	0	0
1178	401768	Hạng A Tia	4017	CT	27	0	0	0	0	0	0
1179	401769	Tòng Thị Mai	4017	CT	28	0	0	0	0	0	0
1180	401770	Nguyễn Tiến Thành	4017	YCXH	28	0	0	12,040,000	0	0	12,040,000
1181	401771	Hoàng Diệu Hương	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1182	401772	Lê Thái Anh	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1183	401790	Lâm Thị Kiều Diễm	4017	YCXH	0	0	0	0	0	0	0
1184	401801	Chu Quang Quynh	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1185	401802	Phùng Thị Phương	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1186	401803	Lê Thị Thanh Nhân	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1187	401804	Nguyễn Thị Thúy An	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1188	401805	Đỗ Khánh Linh	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1189	401806	Vũ Thị Duyên	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1190	401807	Lê Thị Hằng	4018	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1191	401808	Nguyễn Đức Dương	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1192	401809	Bùi Hải Linh	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1193	401810	Phùng Thị ánh Tuyết	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1194	401811	Trần Hoài Nam	4018	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1195	401812	Nguyễn Thị Ngọc ánh	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1196	401813	Trần Thị Quỳnh Trang	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1197	401814	Vũ Thị Tố Chinh	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1198	401815	Vũ Thị Nhân	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1199	401816	Đậu Thị Mai	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1200	401817	Nguyễn Thị Thu Hiền	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1201	401818	Nguyễn Thị Hồng Vân	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1202	401819	Trần Ngọc Tuyết	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1203	401821	Hoàng Phương Thảo	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1204	401822	Phạm Thị Việt Hà	4018	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1205	401824	Phạm Thị Thùy Dương	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1206	401825	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1207	401826	Ngô Thị Nhật Hạnh	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1208	401827	Trần Lê Minh	4018	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1209	401828	Phạm Thị Nga	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1210	401829	Phạm Bình Trọng	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1211	401830	Đỗ Thị Yên	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1212	401831	Hứa Thị Thảo Ly	4018	MHP	25	0	0	0	0	0	0
1213	401832	Nguyễn Thị Tuyết Mai	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1214	401833	Trần Bùi Ngọc Oanh	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1215	401834	Đoàn Thị Ngọc Trâm	4018	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1216	401835	Vũ Thị Tố Nga	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1217	401836	Dương Việt Hà	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1218	401838	Nguyễn Hoa Quỳnh Hương	4018	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1219	401839	Phạm Thị Ngọc Huyền	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1220	401840	Ngô Hồng Hạnh	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1221	401841	Đỗ Thị Phương Thảo	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1222	401842	Vũ Thị Linh	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1223	401843	Nguyễn Thị Thanh Hằng	4018	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1224	401844	Trương Thị Hải Anh	4018	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1225	401845	Đỗ Thị Ngọc Linh	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1226	401846	Nguyễn Thị Anh Thư	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1227	401847	Nguyễn Thị Hải Yến	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1228	401849	Nguyễn Phương Thảo	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1229	401851	Lê Thị Hoan	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1230	401852	Hoàng Thị Ngọc Anh	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1231	401854	Trịnh Thị Phương Anh	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1232	401855	Hoàng Việt Cường	4018	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1233	401856	Nguyễn Phương Huyền	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1234	401857	Nguyễn Hồng Nhung	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1235	401859	Trần Văn Quân	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1236	401860	Nguyễn Việt Hoàng	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1237	401861	Nguyễn Thu Hằng	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1238	401862	Hoàng Hồng Hạnh	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1239	401863	Dương Thị Lan Hương	4018	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
1240	401864	Đoàn Thu Trang	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1241	401865	Hoàng Văn Quyết	4018	BT	22	0	0	3,960,000	0	0	3,960,000
1242	401866	Nguyễn Thúy Quỳnh	4018	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1243	401867	Đặng Thị Quỳnh Trang	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1244	401868	Lê Hà Khanh	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1245	401869	Trần Thị Thu Thủy	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1246	401870	Nguyễn Xa Hoàng	4018	CT	28	0	0	0	0	0	0
1247	401871	Trần Mạnh Cường	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1248	401872	Lục Thị Ngà	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1249	401901	Đỗ Thanh Hương	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1250	401902	Trịnh Thị Giang	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1251	401903	Nguyễn Minh Hoàng	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1252	401904	Nguyễn Thị Giang	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1253	401905	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	4019	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1254	401906	Trần Thị Hường	4019	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1255	401907	Phan Như Quỳnh	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1256	401908	Lê Nguyễn Thạch Thảo	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1257	401909	Nguyễn Thu Trang	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1258	401910	Nguyễn Thành Đồng	4019	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1259	401911	Nguyễn Thị Hiền	4019	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1260	401912	Trịnh Thị Thuý Trang	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1261	401913	Trần Minh Phúc	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1262	401914	Hoàng Bích Diệp	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1263	401915	Phan Thị Minh	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1264	401917	Vũ Đài Trang	4019	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1265	401918	Nguyễn Đào Phương Linh	4019	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1266	401919	Đỗ Ngọc Thuý Dương	4019	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1267	401921	Vũ Thanh Huyền	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1268	401922	Nguyễn Phương Thảo	4019	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1269	401924	Phạm Ngọc Khánh Linh	4019	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1270	401925	Nguyễn Trà My	4019	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1271	401926	Trần Thị Như Phương	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1272	401927	Nguyễn Thị Thái Hòa	4019	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1273	401928	Hoàng Thị Thanh Ngọc	4019	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1274	401929	Nguyễn Thị Lan Anh	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1275	401932	Nguyễn Thị Phương Hằng	4019	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1276	401933	Chu Thị Quỳnh	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1277	401934	Bùi Phương Linh	4019	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1278	401935	Phạm Ngọc Hà	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1279	401936	Nguyễn Hồng Nhiên	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1280	401937	Trần Thị Hà Phương	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1281	401938	Đinh Ngọc Anh	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1282	401939	Phạm Nguyễn Quang Minh	4019	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1283	401941	Phạm Thị Thảo Ngọc	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1284	401942	Bùi Thị Thơm	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1285	401943	Nguyễn Thị Quỳnh	4019	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1286	401944	Hoàng Thị Phương	4019	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1287	401945	Lê Thị Hiền	4019	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1288	401946	Đặng Bích Phương	4019	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1289	401947	Trần Thị Thanh Bình	4019	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1290	401948	Nguyễn Thu Trang	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1291	401949	Đặng Thị Hiền	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1292	401950	Hà Thị Hương Nhi	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1293	401951	Nguyễn Thị Nhân	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1294	401952	Lê Linh Chi	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1295	401953	Nguyễn Thị Tú Anh	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1296	401954	Đỗ Thị Uyên	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1297	401955	Nguyễn Đức Thành	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1298	401956	Đào Thùy Trang	4019	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1299	401957	Nguyễn Bích Hòa	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1300	401958	Trần Thị Anh	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1301	401959	Phạm Thị Thảo	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1302	401960	Nguyễn Thị Trang	4019	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1303	401961	Sầm Thị Tuyền	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1304	401962	Lò Thị Mừng	4019	MHP	25	0	0	0	0	0	0
1305	401963	Nguyễn Văn Thiên	4019	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1306	401964	Đinh Thị Ngân	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1307	401965	Chu Thị Ngọc	4019	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1308	401966	Nguyễn Thị Hồng Nhung	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1309	401967	Mai Huệ An	4019	BT	19	0	0	3,420,000	0	0	3,420,000
1310	401968	Ma Đức Lượng	4019	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1311	401969	Nông Văn Vượng	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1312	401970	Nguyễn Trung Hiếu	4019	CT	27	0	0	0	0	0	0
1313	401971	Nông Thị Thanh Xoan	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1314	401972	Hoàng Thị Thu Hiền	4019	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1315	401973	Nguyễn Văn Long	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1316	402001	Nguyễn Thị Huyền	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1317	402002	Lê Phương Thảo	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1318	402003	Hoàng Thị Mỹ Hạnh	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1319	402004	Phạm Nhật Lệ	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1320	402005	Bùi Thị Phương Thảo	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1321	402006	Nguyễn Thảo Linh	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1322	402007	Phạm Mai Phương	4020	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1323	402008	Phạm Thị Sinh	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1324	402009	Đào Duy Cương	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1325	402010	Nguyễn Thị Ngọc Bích	4020	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1326	402011	Nguyễn Thị Thu Hà	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1327	402012	Nguyễn Văn Mạnh	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1328	402013	Trần Thanh Tùng	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1329	402015	Lê Thị Ngọc Hồng	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1330	402016	Đặng Thị Lan Phương	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1331	402017	Đàm Ngọc Mai Phương	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1332	402018	Lê Huyền Thảo My	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1333	402019	Đoàn Thị Thu Thảo	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1334	402020	Lê Thị Thanh Xuân	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1335	402021	Nguyễn Thùy Dung	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1336	402022	Nguyễn Thị Phương Anh	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1337	402024	Nguyễn Phương Linh	4020	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
1338	402026	Bùi Thị Thùy Anh	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1339	402027	Trần Thị Mỹ Duyên	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1340	402028	Nguyễn Nhật Đức	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1341	402029	Nguyễn Anh Hùng	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1342	402030	Lưu Thị Hồng Thu	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1343	402031	Trần Hữu Đức	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1344	402032	Nguyễn Thị Trung Anh	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1345	402033	Phạm Thị Thục Anh	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1346	402034	Cao Phương Thảo	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1347	402036	Lê Hương Quỳnh	4020	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
1348	402037	Phạm Thị Hồng Ngọc	4020	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1349	402038	Đỗ Trọng Đạt	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1350	402039	Phạm Thị Hương	4020	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1351	402040	Vũ Thị Dân	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1352	402041	Trương Diệu Linh	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1353	402042	Lò Mùi Liễu	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1354	402043	Nguyễn Thị Thiên Hương	4020	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1355	402044	Nguyễn Thị Kim Quý	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1356	402045	Trịnh Thị Tuyền	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1357	402046	Nguyễn Kim Chi	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1358	402047	Trương Thị Thu Trang	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1359	402048	Ma Thị Diệu Huyền	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1360	402049	Nguyễn Thị Lan	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1361	402050	Hoàng Thị Vân	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1362	402051	Đào Thị Hương	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1363	402052	Đặng Thị Tâm	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1364	402053	Bùi Thị Thủy	4020	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1365	402055	Hoàng Thị Lực	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1366	402056	Nguyễn Thị Thắng	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1367	402057	Đinh Kiều	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1368	402058	Hoàng Thị Xuân	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1369	402059	Lê Thị Ninh	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1370	402060	Triệu Thị Hằng	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1371	402061	Trần Thị Thanh	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1372	402062	Nguyễn Thị Thanh	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1373	402063	Hoàng Thị Đình	4020	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1374	402064	Lương Thảo	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1375	402066	Lê Thị Hồng	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1376	402067	Vàng A	4020	CT	25	0	0	0	0	0	0
1377	402068	Vàng Go	4020	CT	25	0	0	0	0	0	0
1378	402069	Trương Thị Hoa	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1379	402070	La Thị Khánh	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1380	402071	Lục Thị Thanh	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1381	402072	Phạm Thị Ngọc	4020	BT	17	0	0	3,060,000	0	0	3,060,000
1382	402065	Vũ Thùy	4021	MHP	25	0	0	0	0	0	0
1383	402101	Nguyễn Thị Khánh	4021	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1384	402102	Lê Văn	4021	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1385	402103	Lê Thị Thu	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1386	402104	Vũ Thị	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1387	402105	Vũ Quang	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1388	402106	Ngô Thị Thu	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1389	402108	Trần Hiền	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1390	402109	Nguyễn Cẩm	4021	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1391	402110	Nguyễn Tiến	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1392	402111	Trần Hoàng	4021	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1393	402112	An Minh	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1394	402113	Đinh Hoàng	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1395	402114	Trần Trung	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1396	402115	Phạm Khánh	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1397	402116	Trần Văn	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1398	402117	Hoàng Minh Trang	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1399	402118	Lê Minh Nguyệt	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1400	402119	Phạm Thị Mai Lan	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1401	402121	Trần Thị Hải Yến	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1402	402123	Phạm Thùy Dương	4021	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1403	402124	Vũ Thị Thanh Tâm	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1404	402125	Trịnh Khánh Linh	4021	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
1405	402126	Lê Văn Cao	4021	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1406	402128	Lê Thị Mỹ Hà	4021	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
1407	402129	Vũ Thị Ngọc	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1408	402130	Ngô Minh Sơn	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1409	402131	Đinh Kiều Anh	4021	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1410	402132	Đoàn Lan Anh	4021	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1411	402133	Nguyễn Hồng Anh	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1412	402135	Nguyễn Hải Ly	4021	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1413	402136	Phạm Thị Trang	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1414	402137	Nguyễn Thanh Long	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1415	402138	Nguyễn Thị Thu	4021	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1416	402139	Trần Hà My	4021	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1417	402141	Trần Diệp Hằng	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1418	402142	Lã Thị Kim Dung	4021	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1419	402143	Nguyễn Thị Ly	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1420	402144	Nguyễn Tiến Giang	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1421	402146	Hoàng Thu Thảo	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1422	402147	Đặng Thị Thanh Hà	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1423	402148	Ngô Thị Hạnh	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1424	402149	Bùi Thị Giang	4021	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1425	402150	Đỗ Thị Giang	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1426	402151	Đào Anh Dũng	4021	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1427	402152	Vũ Thị Ngọc ánh	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1428	402153	Đào Thị Vân Anh	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1429	402154	Đào Thị Yến	4021	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1430	402155	Nguyễn Thị Tú Anh	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1431	402156	Tạ Minh Loan	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1432	402157	Hà Thị Hường	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1433	402158	Tô Thị Thu Hà	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1434	402160	Vương Quốc Nam	4021	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1435	402161	Ngô Thị Kim Oanh	4021	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1436	402162	Đào Thị Yên	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1437	402163	Lê Thị Mai Hương	4021	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1438	402164	Trần Thị Hà Tiên	4021	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1439	402165	Nguyễn Thúy Hằng	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1440	402166	Vàng Thị Xuân	4021	CT	27	0	0	0	0	0	0
1441	402167	Đỗ Nhật Lệ	4021	CT	25	0	0	0	0	0	0
1442	402168	Lầu A Thu	4021	CT	27	0	0	0	0	0	0
1443	402169	Dương Việt Thành	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1444	402170	Đào Hoàng Dung	4021	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1445	402171	Hoàng Minh Thư	4021	BT	0	0	0	0	0	0	0
1446	402172	Hà Hồng Hiệp	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1447	402173	Nông Văn Nam	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1448	402201	Trần Thị Trà My	4022	BT	19	0	0	3,420,000	0	0	3,420,000
1449	402202	Phạm Quốc Huy	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1450	402203	Hoàng Hồng Ngọc	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1451	402204	Nguyễn Hải Ninh	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1452	402205	Phạm Thị Linh Trang	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1453	402206	Lò Thị Trang Nhung	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1454	402207	Nguyễn Thị Thùy Linh	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1455	402208	Nguyễn Thị Xuân	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1456	402210	Nguyễn Thị Phương Anh	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1457	402211	Phạm Thị Tuyết	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1458	402212	Nguyễn Thị Như Quỳnh	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1459	402213	Chu Mạnh Luân	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1460	402214	Phùng Thị Kiều Oanh	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1461	402215	Nguyễn Thùy Dung	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1462	402216	Phí Nguyễn Phương Linh	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1463	402217	Hoàng Ngọc Cương	4022	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1464	402218	Thào Công Minh	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1465	402219	Đỗ Thùy Linh	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1466	402220	Lê Thị Thuỳ Dương	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1467	402221	Đào Khánh Huyền	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1468	402222	Bùi Thị Kim	Dung	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1469	402223	Nguyễn Thị Hương	Giang	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1470	402224	Nguyễn Ngọc	Linh	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1471	402225	Trần Văn	Anh	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1472	402226	Phạm Xuân	Trường	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1473	402227	Đỗ Phương	Thùy	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1474	402230	Vũ Thị Minh	Hằng	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1475	402231	Phan Thu	Phương	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1476	402232	Nguyễn Phương	Linh	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1477	402233	Lê Phương	Thảo	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1478	402234	Hà Thị Minh	Phương	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1479	402236	Nguyễn Thu	Yến	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1480	402237	Nguyễn Thuý	Linh	4022	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1481	402238	Chu Liên	Thương	4022	MHP	28	0	0	0	0	0	0
1482	402239	Nguyễn Mỹ	Hạnh	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1483	402241	Nguyễn Thị	Hoa	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1484	402242	Nguyễn Thu	Trang	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1485	402243	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1486	402244	Tăng Văn	Hiện	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1487	402245	Nguyễn Thị	Giang	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1488	402246	Châu Thị	Ninh	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1489	402247	Trương Thị Như	Quỳnh	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1490	402248	Triệu Linh	Đan	4022	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1491	402249	Chờ Thị	Huyền	4022	BT	0	0	0	0	0	0	0
1492	402250	Hà Thị	Phương	4022	MHP	25	0	0	0	0	0	0
1493	402251	Nông Phương	Thảo	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1494	402252	Nông Thị Thu	Hoài	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1495	402253	Cà Văn	Chung	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1496	402254	Doãn Thị Thu	Hường	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1497	402255	Nguyễn Thu	Quỳnh	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1498	402256	Nguyễn Thị	Tĩnh	4022	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1499	402257	Nguyễn Thu	Trang	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1500	402258	Hà Thị	Xuyến	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1501	402259	Nguyễn Thị Thu	Ngoan	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1502	402260	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền	
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện		
1503	402261	Nguyễn Thị Anh	Thư	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1504	402262	Trần Thị Hồng	Vinh	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1505	402263	Hiệp Thị	Đoàn	4022	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1506	402264	Nguyễn Thị	Hiền	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1507	402265	Nguyễn Sỹ	Quang	4022	BT	17	0	0	3,060,000	0	0	3,060,000
1508	402266	Hà Thị Hồng	Ngọc	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1509	402267	Lãnh Đức	Thiện	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1510	402268	Hà Linh	Chi	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1511	402269	Phạm Hoàng	Yến	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1512	402270	Nguyễn Thị	Hoa	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1513	402271	Bế Thị Kiều	Diễm	4022	MHP	28	0	0	0	0	0	0
1514	402272	Hoàng Thị Thùy	Linh	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1515	402273	Trần Cao Quỳnh	Hương	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1516	402301	Tạ Thị Phương	Thảo	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1517	402302	Nguyễn Văn	Mười	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1518	402303	Trần Anh	Tuấn	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1519	402304	Nguyễn Hoàng	Trang	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1520	402305	Trần Xuân	Đức	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1521	402306	Bạc Cẩm Thị	Thật	4023	MHP	25	0	0	0	0	0	0
1522	402307	Trần Linh	Chi	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1523	402308	Nguyễn Gia	Tiến	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1524	402309	Phạm Thanh	Tùng	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1525	402310	Lê Anh	Sáng	4023	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1526	402312	Hà Thị Linh	Hương	4023	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1527	402313	Phạm Tùng	Sơn	4023	BT	17	0	0	3,060,000	0	0	3,060,000
1528	402314	Đỗ Thị Khánh	Ly	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1529	402315	Nguyễn Ngọc	ánh	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1530	402316	Cao Thị	Quỳnh	4023	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1531	402317	Vũ Thị Khánh	Linh	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1532	402318	Nguyễn Thị Huyền	My	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1533	402320	Lê Thị	Hoài	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1534	402323	Trần Hồng	Hạnh	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1535	402324	Nguyễn Thanh	Loan	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1536	402325	Lê Hoàng Yến	Nhi	4023	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1537	402326	Đỗ Thị Thanh	Hằng	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1538	402327	Thiều Nguyễn Duy Anh	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1539	402328	Ngô Tôn Phương Anh	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1540	402329	Vũ Thị Xuân	4023	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1541	402330	Trương Ngọc Huyền	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1542	402331	Phạm Thảo Vân	4023	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1543	402332	Trần Tú Anh	4023	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1544	402334	Nguyễn Phương Thanh	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1545	402335	Phạm Thị Việt Mỹ	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1546	402336	Nguyễn Phương Anh	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1547	402337	Nguyễn Thị Lua	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1548	402338	Xin Thị Liên	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1549	402339	Lương Thị Thảo	4023	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1550	402340	Bùi Thu Thảo	4023	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1551	402341	Nguyễn Phương Linh	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1552	402342	Đỗ Văn Phúc	4023	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
1553	402343	Phạm Văn Hưng	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1554	402344	Lê Thị Phụng	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1555	402345	Bùi Thị Quỳnh Trâm	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1556	402346	Đặng Thị Liêm	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1557	402347	Phạm Thị Hạnh	4023	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
1558	402348	Bùi Thị Hà	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1559	402349	Nguyễn Thị Ngọc Hân	4023	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1560	402350	Đỗ Thị Thái Hà	4023	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1561	402351	Đinh Thùy Linh	4023	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1562	402352	Triệu Văn Tuyền	4023	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1563	402353	Đàm Thị Thảo	4023	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1564	402354	Phạm Thị Hương	4023	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1565	402355	Lương Thị Vân	4023	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1566	402356	Đàm Thị Kiều	4023	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1567	402357	Phùng Thị Quý	4023	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1568	402358	Trần Thị Thuý Dương	4023	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1569	402359	Lê Thị Hạnh	4023	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1570	402360	Hoàng Thị Trang	4023	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1571	402361	Trần Thị Ngọc ánh	4023	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1572	402362	Hoàng Thị Mai	4023	MHP	28	0	0	0	0	0	0

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1573	402363	Hoàng Thị Sen	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1574	402365	Đặng Thị Minh Ngọc	4023	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1575	402366	Hoàng Thị Phòng	4023	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1576	402367	Lê Văn Cường	4023	CT	27	0	0	0	0	0	0
1577	402368	Đinh Anh Thiện	4023	YCXH	27	0	0	11,610,000	0	0	11,610,000
1578	402369	Nguyễn Thu Thảo	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1579	402370	Ngô Thanh Huyền	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1580	402371	Nguyễn Thị Huệ	4023	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1581	402372	Lục Thị Ninh	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1582	402373	Sùng A Tình	4023	MHP	23	0	0	0	0	0	0
1583	402401	Lò Thị Hương	4024	MHP	25	0	0	0	0	0	0
1584	402402	Nguyễn Gia Mạnh	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1585	402403	Nguyễn Triều Dương	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1586	402405	Kiều Phương Linh	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1587	402406	Bùi Tiến Anh	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1588	402407	Vũ Thùy Trang	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1589	402409	Nguyễn Thị Thùy Dung	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1590	402410	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1591	402411	Nguyễn Thùy Vinh	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1592	402412	Nguyễn Anh Thư	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1593	402413	Ngô Thị Thúy Hằng	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1594	402414	Lê Quốc Anh	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1595	402415	Nguyễn Thị Thùy Trang	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1596	402416	Hoàng Minh Thuý	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1597	402417	Hoàng Thị Thuý	4024	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1598	402418	Vũ Thị Hiên	4024	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1599	402420	Hoàng Thị Thanh Trà	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1600	402421	Vũ Thanh Hương	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1601	402422	Nguyễn Thùy Dung	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1602	402423	Ngô Diệu Linh	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1603	402424	Nguyễn Thùy Linh	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1604	402425	Lê Thị Thúy Hòa	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1605	402426	Lê Quang Đán	4024	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
1606	402427	Nguyễn Thị Thùy Trang	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1607	402428	Đỗ Thị Thu Hà	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1608	402429	Ngô Thị Nhân	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1609	402430	Nguyễn Thị Quỳnhh	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1610	402431	Chu Thị Liên	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1611	402433	Nguyễn Thị Mỹ Linh	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1612	402434	Ngô Thùy Giang	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1613	402435	Nguyễn Thị Hạnh Thu	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1614	402436	Nguyễn Thị Hiền	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1615	402437	Trần Thùy Trang	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1616	402438	Nguyễn Thị Minh	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1617	402439	Trương Thị Vân Anh	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1618	402440	Vì Thị Kim Ngân	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1619	402441	Dương Ngọc Hà	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1620	402442	Đặng Thị Thủy Tiên	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1621	402443	Nguyễn Thanh Huyền	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1622	402444	Nguyễn Thị Hồng Anh	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1623	402445	Nguyễn Hữu Vinh	4024	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
1624	402446	Phạm Trà My	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1625	402447	Nguyễn Hà Thương	4024	MHP	25	0	0	0	0	0	0
1626	402448	Lương Thị Phương Thảo	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1627	402449	Đoàn Văn Tiệp	4024	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1628	402450	Đào Thị Tú Linh	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1629	402451	Đinh Hoàng Thùy Linh	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1630	402452	Phạm Thu Hào	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1631	402453	Nguyễn Phúc Nam	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1632	402454	Bùi Thị Liên	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1633	402455	Nguyễn Thị Hương Lan	4024	MHP	25	0	0	0	0	0	0
1634	402456	Hoàng Minh Thành	4024	MHP	25	0	0	0	0	0	0
1635	402457	Bùi Thị Thanh Tú	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1636	402458	Vũ Thị Yến Nhi	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1637	402459	Hoàng Thị Hồng	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1638	402460	Nguyễn Minh Huyền	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1639	402461	Đinh Thị Trang Nhung	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1640	402462	Phạm Quốc Cường	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1641	402463	Nông Thị Nguyệt	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1642	402464	Đỗ Thị Thảo Anh	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1643	402465	Cao Thị Giang	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1644	402466	Hoàng Thị Thùy Anh	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1645	402467	Dương Linh Chi	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1646	402468	Đặng Ngọc ánh	4024	YCXH	27	0	0	11,610,000	0	0	11,610,000
1647	402469	Nguyễn Văn Thi	4024	CT	27	0	0	0	0	0	0
1648	402470	Hoàng Thị Hải Vân	4024	CT	27	0	0	0	0	0	0
1649	402471	Đinh Kim Quý	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1650	402472	Lương Vi Tùng Sơn	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1651	402501	Đinh Khánh Toàn	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1652	402502	Phùng Thế Hiệp	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1653	402503	Hoàng Bích Ngọc	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1654	402504	Vũ Thị Ngọc Anh	4025	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1655	402505	Dương Thị Duyên	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1656	402506	Lê Hồng Nhung	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1657	402508	Nguyễn Thị Hải Hà	4025	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1658	402509	Vũ Trung Hòa	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1659	402510	Vũ Quang Huy	4025	BT	12	0	0	2,160,000	0	0	2,160,000
1660	402511	Nguyễn Anh Vinh	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1661	402512	Nguyễn Thị Nhật Lệ	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1662	402513	Lê Thiện Quang	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1663	402514	Phạm Ngọc Hùng	4025	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1664	402515	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1665	402516	Nông Thị Liệu	4025	BT	0	0	0	0	0	0	0
1666	402517	Nghiêm Hữu Thi	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1667	402518	Lô Xuân Hùng	4025	BT	21	0	0	3,780,000	0	0	3,780,000
1668	402519	Nguyễn Thảo Linh	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1669	402520	Phạm Thu Thảo	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1670	402521	Đỗ Minh Quang	4025	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1671	402522	Phạm Thị Phương Anh	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1672	402523	Trần Quốc Lượng	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1673	402524	Hồ Thị Hằng	4025	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1674	402525	Phạm Thị Thương	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1675	402526	Phạm Hồng Nhung	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1676	402527	Đào Ngọc Huyền	4025	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1677	402528	Phạm Thúy Hiền	4025	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1678	402529	Vũ Thị Hường	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1679	402530	Đỗ Hồng Nhung	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1680	402531	Nguyễn Thị Kim Hiền	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1681	402532	Ngô Thị Minh Thúy	4025	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1682	402533	Phùng Thị Thu Hiền	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1683	402534	Đinh Hoàng Lộc	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1684	402535	Lê Thị Lan Hương	4025	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1685	402537	Nguyễn Thị Thu An	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1686	402538	Nguyễn Thị Vân Huyền	4025	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1687	402539	Thạch Thị Lâm Oanh	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1688	402540	Lù Thị Diệu Thúy	4025	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1689	402541	Ngô Thị Thu Thủy	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1690	402542	Khương Thuỷ Tiên	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1691	402543	Nguyễn Phương Thảo	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1692	402544	Nguyễn Duy Hào	4025	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1693	402545	Nguyễn Đức Anh	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1694	402546	Trần Thị ánh Nguyệt	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1695	402547	Hồ Thị Mỹ	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1696	402548	Trần Thị Luyến	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1697	402549	Lăng Thị Hoài	4025	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1698	402550	Tạ Trần Thu Hiền	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1699	402551	Hoàng Thị Vân Thư	4025	MHP	25	0	0	0	0	0	0
1700	402552	Phạm Thị Nga	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1701	402553	Chu Ngọc Diệp	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1702	402554	Đinh Hoàng Mai	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1703	402555	Triệu Tồn Man	4025	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1704	402556	Hoàng Thị Duyên	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1705	402557	Trần Thị Hằng	4025	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1706	402558	Hoàng Thị Phấn	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1707	402559	Hoàng Thị Hoa	4025	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1708	402560	Nguyễn Thị Hằng	4025	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
1709	402561	Lộc Thị Sao	4025	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1710	402562	Lê Thị Hồng Vân	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1711	402563	Phạm Thị Kiều Dung	4025	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1712	402565	Vũ Thị Minh Nguyệt	4025	BT	21	0	0	3,780,000	0	0	3,780,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1713	402566	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	4025	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1714	402567	Đinh Minh Đức	4025	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1715	402568	Trần Thị Ngọc Mai	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1716	402569	Nguyễn Thị Thu Hương	4025	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1717	402570	Ngô Thị Bích Sinh	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1718	402571	Lục Minh Hoài	4025	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1719	402572	Trần Thị Ngọc Tú	4025	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1720	402601	Đỗ Lê Huy Hùng	4026	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1721	402602	Lê Ngọc Linh	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1722	402603	Trịnh Hữu Đức	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1723	402604	Đào Tuấn Hiệp	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1724	402605	Nguyễn Thị Hà	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1725	402606	Phan Khánh Tùng	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1726	402607	Vương Thị Minh Hòa	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1727	402608	Nguyễn Việt Hoàng	4026	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1728	402609	Nguyễn Thị Khánh Phượng	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1729	402610	Nguyễn Thị Vân Anh	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1730	402611	Đỗ Thị Dung	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1731	402612	Phạm Thị Hằng	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1732	402613	Nguyễn Gia Khởi	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1733	402614	Hứa Quang Huy	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1734	402615	Phạm Linh Ngọc	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1735	402616	Dương Thị Hồng Nhung	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1736	402617	Nguyễn Thùy Linh	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1737	402618	Đặng Thị Nhạn	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1738	402619	Phạm Thị Hoàng Phương	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1739	402620	Dương Thị Thảo	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1740	402621	Lê Đặng Việt Mỹ	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1741	402622	Đàm Thị Thanh Nhân	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1742	402626	Nguyễn Đình Bình Bắc	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1743	402627	Nguyễn Thị Ngọc ánh	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1744	402628	Lê Quỳnh Chi	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1745	402629	Lương Hoài Vy	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1746	402630	Phạm Thu Phương	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1747	402631	Nguyễn Diệu Linh	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1748	402632	Vũ Thu Thảo	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1749	402633	Phạm Trà Giang	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1750	402634	Phạm Thị Thanh Hương	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1751	402635	Nguyễn Thị Linh	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1752	402636	Nguyễn Phương Thanh	4026	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1753	402637	Hoàng Thị Kim Anh	4026	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1754	402638	Nguyễn Tường Linh	4026	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1755	402639	Phạm Thu Trang	4026	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1756	402640	Tạ Ngọc Bảo Thư	4026	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1757	402641	Dương Thị Thanh Mai	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1758	402643	Trần Thị Lệ Quyên	4026	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1759	402644	Tổng Thị Hương Giang	4026	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1760	402645	Nguyễn Thị Hoài Thương	4026	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1761	402647	Nguyễn Việt Hà	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1762	402648	Nguyễn Thị Sang	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1763	402649	Nông Thị Đào	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1764	402650	Nguyễn Thị Hậu	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1765	402651	Hồ Thị ánh	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1766	402652	Vi Thị Thuyết	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1767	402653	Ngô Duy Hồng Quân	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1768	402654	Nguyễn Thị Lành	4026	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1769	402655	Hàn Thị Ngọc Mai	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1770	402656	Nguyễn Thị Thuận	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1771	402657	Dương Thị Dung	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1772	402658	Nguyễn Thị Huyền	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1773	402659	Đỗ Mai Hương	4026	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1774	402660	Vũ Lê Hà	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1775	402661	Nguyễn Thị Ngọc	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1776	402662	Đỗ Thị Hoa	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1777	402663	Đỗ Thị Duyên	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1778	402664	Sùng A Pênh	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1779	402665	Trương Hải Yến	4026	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1780	402666	Hoàng Thị Thương	4026	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1781	402667	Lò Văn Thảo	4026	CT	25	0	0	0	0	0	0
1782	402668	Phạm Lê Ngọc Anh	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1783	402669	Đinh Thị Thùy	Trang	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1784	402670	Ngô Thu	Hiền	4026	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1785	402671	Hoàng Thị	Xuân	4026	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1786	402672	Chương Thị	Thiên	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1787	402701	Lò Văn	Chung	4027	MHP	25	0	0	0	0	0	0
1788	402702	Nguyễn Thị Kim	Thoan	4027	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1789	402703	Đặng Anh	Tuấn	4027	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1790	402704	Lê Hữu	Tài	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1791	402705	Trần Hải ánh	Linh	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1792	402706	Bùi Thị	Nhung	4027	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1793	402707	Lê Quốc	Phong	4027	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1794	402708	Lê Thị	Quỳnh	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1795	402709	Nguyễn Ngọc	Diệp	4027	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1796	402710	Nguyễn Thị Thùy	Linh	4027	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1797	402711	Đặng Bích	Vân	4027	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1798	402712	Nguyễn Việt	Anh	4027	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1799	402713	Nguyễn Thị	Ngọc	4027	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1800	402714	Nguyễn Thanh	Phong	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1801	402715	Đào Huy	Hậu	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1802	402716	Phạm Văn	Hoàn	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1803	402717	Trần Phương	Linh	4027	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1804	402718	Nguyễn Thị	Thủy	4027	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1805	402719	Trần Minh	Diễm	4027	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1806	402720	Trần Ngọc	Mai	4027	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1807	402721	Đặng Thu	Trang	4027	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1808	402722	Nguyễn Bình	Minh	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1809	402723	Hoàng Thảo	Linh	4027	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1810	402724	Bùi Thị Thúy	An	4027	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1811	402725	Nguyễn Thị Minh	Hương	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1812	402726	Vì Thị Thúy	An	4027	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1813	402727	Tăng Hoàng	Minh	4027	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1814	402728	Phạm Thị Thúy	Ngân	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1815	402729	Lành Thị Minh	Nguyệt	4027	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1816	402730	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1817	402731	Triệu Ngọc	Mai	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1818	402732	Phan Cẩm Tú	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1819	402734	Vũ Thị Thùy Tiên	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1820	402735	Đặng Thị Quỳnh Anh	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1821	402736	Phạm Thị Lan Hương	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1822	402737	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1823	402738	Nguyễn Thị Thu Giang	4027	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1824	402739	Hoàng Chi Linh	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1825	402740	Nguyễn Thùy Giang	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1826	402741	Nguyễn Trung Dũng	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1827	402743	Trần Văn Doanh	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1828	402744	Mạc Thị Hiến	4027	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1829	402745	Nguyễn Phương Anh	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1830	402746	Lê Thị Bình Tiên	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1831	402747	Hồ Văn Trai	4027	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1832	402748	Cà Thị Quyên	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1833	402749	Ma Thị Thu Hoài	4027	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1834	402750	Giàng A Lào	4027	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1835	402751	Triệu Thị Mây	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1836	402752	Phạm Văn Thảo	4027	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1837	402753	Hoàng Thị Hằng	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1838	402754	Nguyễn Văn Tân	4027	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1839	402755	Trần Thị Phương Anh	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1840	402756	Nguyễn Như Quỳnh	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1841	402757	Nguyễn Thành Trung	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1842	402758	Lù Thị Trang	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1843	402759	Nguyễn Thị Anh	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1844	402760	Bùi Huyền Trang	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1845	402761	Đồng Thị Ngọc Thơ	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1846	402763	Màng Thị Nhọn	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1847	402764	Triệu Thị Thanh Viễn	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1848	402765	Nguyễn Thị Khánh Linh	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1849	402766	Bùi Văn Hào	4027	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1850	402767	Nguyễn Thùy Dung	4027	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1851	402768	Bùi Thị Thu Uyên	4027	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1852	402769	Hoàng Thị Hoa	4027	CT	27	0	0	0	0	0	0

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1853	402770	Dương Thị Iêm	4027	CT	27	0	0	0	0	0	0
1854	402771	Lê Thị Xuân	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1855	402772	Hoàng Thị Đan Phương	4027	BT	20	0	0	3,600,000	0	0	3,600,000
1856	402801	Phạm Thị Ngọc ánh	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1857	402802	Tổng Thị Thúy Hòa	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1858	402803	Nguyễn Lâm Phú	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1859	402804	Trần Đức Lợi	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1860	402805	Nguyễn Lê Ngọc	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1861	402806	Hoàng Thị Minh Trang	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1862	402807	Hoàng Anh Văn	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1863	402808	Nguyễn Thị Hương	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1864	402809	Vũ Đình Hưng	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1865	402810	Trần Thị Thanh Nhân	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1866	402811	Nguyễn Quốc Kiên	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1867	402812	Nguyễn Thị Thanh Nga	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1868	402813	Trần Thăng Long	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1869	402814	Lê Hồng Thắm	4028	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
1870	402815	Lương Hoàng Anh	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1871	402816	Phạm Thị Ngọc ánh	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1872	402817	Bùi Anh Tuấn	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1873	402818	Trần Thị Thùy Dương	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1874	402820	Lê Anh Thư	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1875	402821	Nguyễn Đăng Minh	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1876	402822	Đỗ Thị Phương Mai	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1877	402823	Nguyễn Ngọc Phương	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1878	402824	Phạm Văn Tuyên	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1879	402825	Vũ Thu Hương	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1880	402827	Hoàng Ngọc Chi	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1881	402828	Đỗ Tùng Sơn	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1882	402829	Trần Minh Anh	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1883	402830	Lê Thị Thu Anh	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1884	402831	Võ Thị Ngọc Loan	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1885	402832	Phạm Thị Mỹ Linh	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1886	402833	Nguyễn Mai Loan	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1887	402834	Lê Nữ Thục Anh	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1888	402835	Nguyễn Thị Mây	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1889	402836	Nguyễn Hồng Vân	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1890	402837	Nguyễn ánh Quyên	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1891	402838	Phạm Duy	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1892	402839	Nguyễn Phương Anh	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1893	402840	Hà Anh Tú	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1894	402841	Hoàng Trung Kiên	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1895	402842	Ma Thị Minh Hằng	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1896	402843	Quyên Thị Thúy Nga	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1897	402844	Nông Thị Hoa	4028	MHP	25	0	0	0	0	0	0
1898	402845	Nguyễn Thu Phương	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1899	402846	Phạm Tân Trang	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1900	402847	Nguyễn Minh Thùy	4028	BT	0	0	0	0	0	0	0
1901	402848	Vũ A Tũa	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1902	402849	Nguyễn Thị Gái	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1903	402850	Làng Thị Trang	4028	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1904	402851	Phạm Thị Linh Trang	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1905	402852	Vũ Thị Thanh Xuân	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1906	402853	Hà Thị Kim Trang	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1907	402854	Dương Thị Huyền	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1908	402855	Nguyễn Thị Quỳnh	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1909	402856	Nguyễn Thu Hoàn	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1910	402857	Nguyễn Thị Trang	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1911	402859	Nguyễn Ngân Hồng	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1912	402860	Nguyễn Thị Hải Linh	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1913	402861	Hoàng Thu Trang	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1914	402862	Nguyễn Thị Thúy Hằng	4028	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1915	402863	Phạm Thị Diệu Hằng	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1916	402864	Nông Thị Hằng	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1917	402865	Trương Thị Thủy	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1918	402866	Nông Tư Vị	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1919	402867	Nguyễn Mạnh Đức	4028	CT	27	0	0	0	0	0	0
1920	402868	Hoàng Thế Lập	4028	CT	27	0	0	0	0	0	0
1921	402869	Nông Lê Minh Tâm	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1922	402870	Lò Thị Phở	4028	CT	25	0	0	0	0	0	0

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1923	402871	Thào A Mễnh	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1924	402872	Giàng Thị Súa	4028	BT	21	0	0	3,780,000	0	0	3,780,000
1925	403101	Phan Anh Dũng	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1926	403102	Đào Nhật Nam	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1927	403103	Trịnh Thị Linh	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1928	403104	Vũ Thị Lâm Oanh	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1929	403105	Nguyễn Thị Mai	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1930	403106	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1931	403107	Nguyễn Quốc Huy Khanh	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1932	403108	Nguyễn Thị Thu Thảo	4031	BT	24	0	0	4,320,000	0	0	4,320,000
1933	403109	Nguyễn Lê Thùy Tiên	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1934	403110	Phạm Thị Huyền	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1935	403111	Hà Quý Đôn	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1936	403112	Nguyễn Thị Kim Tuyền	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1937	403113	Nguyễn Hoa Quỳnh	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1938	403114	Hoàng Thanh Thúy	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1939	403115	Lê Thị Mỹ Linh	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1940	403116	Nguyễn Thị Hường	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1941	403117	Lê Thùy Trang	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1942	403118	Hà Thị Diễm Quỳnh	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1943	403119	Hoàng Thị Trang	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1944	403120	Hồ Thị Quỳnh Anh	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1945	403121	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1946	403122	Nguyễn Thị Hiền Lương	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1947	403123	Lê Thị Quỳnh Trang	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1948	403124	Trần Thị Hoài	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1949	403125	Lê Thị Hào	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1950	403126	Hoàng Lê Khánh Linh	4031	MHP	29	0	0	0	0	0	0
1951	403127	Quách Thương Hiệp	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1952	403128	Trần Thị Lan Hương	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1953	403129	Lường Văn Đông	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1954	403130	Ma Thị Thu Uyên	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1955	403131	Bùi Thị Huệ	4031	MHP	24	0	0	0	0	0	0
1956	403132	Trịnh Thị Hương	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1957	403133	Hoàng Thị Ngọc Anh	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1958	403134	Hà Thị Ngọc Linh	4031	MHP	29	0	0	0	0	0	0
1959	403135	Phạm Văn Đông	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1960	403136	Đào Thị Thúy	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1961	403137	Dương Thị Thư	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1962	403138	Lê Thanh Hào	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1963	403139	Đàm Văn Thực	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1964	403140	Lý Thị An	4031	MHP	26	0	0	0	0	0	0
1965	403141	Nguyễn Lâm Oanh	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1966	403143	Trần Thị Quỳnh	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1967	403144	Hoàng Ngọc ánh	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1968	403145	Nguyễn Thị Ngọc Mai	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1969	403146	Nguyễn Hương Giang	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1970	403147	Lê Quỳnh Trang	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1971	403148	Quách Thanh Thùy	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1972	403149	Lê Thị Hương	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1973	403150	Nguyễn Thị Vân Anh	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1974	403151	Trần Thị Hằng	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1975	403152	Hà Thị Chang	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1976	403153	Nguyễn Thị Bảo Thoa	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1977	403154	Hồ Thị Bảo Uyên	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1978	403155	Bùi Thu Trang	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1979	403156	Đỗ Thị Thùy Trang	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1980	403157	Trần Thị Lan	4031	MHP	29	0	0	0	0	0	0
1981	403158	Nguyễn Thị Phụng	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1982	403159	Đào Mỹ Duyên	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1983	403160	Hoàng Minh Lý	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1984	403161	Trần Thị Thư	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1985	403162	Lê Thị Duyên	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1986	403163	Bùi Thị Vũ Hoa	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1987	403164	Nguyễn Thị Hương Giang	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1988	403165	Chu Thị Hào	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1989	403166	Đỗ Ngọc Anh Thư	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1990	403167	Hà Thị Hương Thảo	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1991	403168	Nguyễn Thị Thùy Dương	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1992	403169	Đặng Hồng Minh	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1993	403170	Đinh Thị Lan Anh	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1994	403171	Lý Thị Hồng	4031	MHP	29	0	0	0	0	0	0
1995	403201	Trần Thị Ngọc Ly	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1996	403202	Nguyễn Thị Thùy Linh	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1997	403203	Lương Thị Bền	4032	MHP	26	0	0	0	0	0	0
1998	403204	Nguyễn Thị Huyền Trang	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1999	403205	Hoàng Đức Duy	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2000	403206	Lê Như Hoa	4032	MHP	26	0	0	0	0	0	0
2001	403207	Hoàng Quốc Anh	4032	BT	18	0	0	3,240,000	0	0	3,240,000
2002	403208	Nguyễn Lan Hương	4032	MHP	26	0	0	0	0	0	0
2003	403209	Ngô Phương Hiếu	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2004	403210	Hoàng Trường Trinh	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2005	403211	Trần Thị My	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2006	403212	Lăng Thị Liêm	4032	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2007	403213	Phạm Thu Hường	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2008	403214	Đặng Ngọc ánh	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2009	403215	Trịnh Minh Hằng	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2010	403216	Nguyễn Thị Thao	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2011	403217	Lê Tuấn Minh	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2012	403218	Hà Thị Nga	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2013	403219	Trần Thị Mai	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2014	403220	Đinh Minh Quyền	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2015	403221	Trần Thu Thảo	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2016	403222	Lê Nguyên Tuấn Anh	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2017	403223	Phạm Kiều Oanh	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2018	403224	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2019	403225	Bùi Đăng Huy	4032	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2020	403226	Trương Cẩm Ly	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2021	403227	Nguyễn Thị Hương Trà	4032	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2022	403228	Phan Đức Quý	4032	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2023	403230	Nguyễn Lan Hương	4032	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2024	403231	Vũ Thị Phương Nhung	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2025	403232	Lò Văn Duyệt	4032	MHP	26	0	0	0	0	0	0
2026	403233	Mã Thanh Lâm	4032	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2027	403234	Nguyễn Thị Hồng	4032	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2028	403235	Vũ Diệu Linh	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2029	403237	Tòng Thùy Linh	4032	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2030	403238	Trịnh Thị Phụng	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2031	403239	Nguyễn Thị Hồng Nhung	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2032	403240	Hoàng Thị Hà	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2033	403241	Quách Thảo Uyên	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2034	403242	Trần Ngọc Lam	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2035	403243	Lê Phương Anh	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2036	403244	Vương Hồng Huyền	4032	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2037	403246	Dương Thị Bảo Châu	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2038	403247	Vũ Thị Chi Mai	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2039	403248	Trần Thị Thanh Lam	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2040	403249	Đàm Thị Thiệp	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2041	403250	Nguyễn Hà Phương	4032	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2042	403251	Lê Thị Kim Ngọc	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2043	403252	Vương Phương Anh	4032	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2044	403253	Nguyễn Hồ Hương	4032	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2045	403254	Phạm Thu Hương	4032	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2046	403255	Hoàng Thị Thanh	4032	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2047	403256	Tạ Thị Hồng Hải	4032	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2048	403257	Nguyễn Quang Hưng	4032	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2049	403258	Nguyễn Hải Anh	4032	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2050	403259	Nguyễn Trần Khánh Quỳnh	4032	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2051	403260	Vi Thị Vân	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2052	403261	Hoàng Thị Phương	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2053	403262	Triệu Thùy Linh	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2054	403263	Nguyễn Hồng Hạnh	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2055	403264	Lý Thị Hằng	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2056	403266	Lê Hương Giang	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2057	403267	Huỳnh Thị Kim Thúy	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2058	403268	Triệu Thị Lầy	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2059	403269	Vương Nguyễn Hoàng Yến	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2060	403270	Nguyễn Thị Tâm	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2061	403271	Phạm Thị Huyền	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2062	403302	Nguyễn Thanh Hương	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2063	403304	Phạm Ngọc Tú	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2064	403305	Nguyễn Thị ái Lành	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2065	403307	Trần Quang Việt	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2066	403308	Phạm Thị Ngọc Anh	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2067	403309	Vũ Thị Hương	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2068	403310	Trịnh Thị Thu Hà	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2069	403311	Nguyễn Đăng Mạnh Phúc	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2070	403312	Mai Thị Hằng	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2071	403313	Nguyễn Tiến Đạt	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2072	403314	Cao Văn Nguyên	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2073	403315	Nguyễn Thị Ly	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2074	403316	Đỗ Thị Ngọc ánh	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2075	403317	Nguyễn Trọng Hiếu	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2076	403318	Lưu Thị Quỳnh Hương	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2077	403319	Lương Quốc Tuấn	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2078	403320	Mai Thị Ngọc Mai	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2079	403321	Nguyễn Sỹ Việt	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2080	403322	Hoàng Như Quỳnh	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2081	403323	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2082	403324	Nguyễn Đức Tình	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2083	403325	Nông Ngọc Mai	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2084	403326	Nông Thu Trang	4033	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2085	403327	Nguyễn Ngọc Duyên	4033	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2086	403328	Nguyễn Thị Thùy Vân	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2087	403329	Trần Khánh Trinh	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2088	403330	Lã Thị Kim Tuyền	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2089	403331	Trần Thùy Linh	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2090	403332	Ngô Thị Ngọc Trâm	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2091	403333	Phạm Thu Trang	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2092	403334	Lê Thị Thúy Huệ	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2093	403335	Vũ Thị Phương Thảo	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2094	403336	Nguyễn Thị Hương Ly	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2095	403339	Vũ Thị Huyền Trang	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2096	403340	Phạm Quỳnh Trang	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2097	403341	Lương Việt Trinh	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2098	403342	Trịnh Thu Phương	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2099	403343	Hoàng Châu Bình	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2100	403344	Đỗ Thị Dung	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2101	403345	Lưu Thu Trang	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2102	403346	Ngô Thị Quyên	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2103	403348	Bùi Thị Nhân	4033	MHP	24	0	0	0	0	0	0
2104	403349	Trần Thị Hoàng Diệp	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2105	403350	Đỗ Thùy Linh	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2106	403351	Nguyễn Đàm Mai Hương	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2107	403352	Bùi Hồng Duyên	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2108	403353	Nguyễn Thị Nhung	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2109	403354	Nguyễn Thị Thảo Duyên	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2110	403355	Nguyễn Phương An	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2111	403356	Thiều Minh Châu	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2112	403357	Đỗ Thị Mỹ Linh	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2113	403359	Lương Thị Hồng Gấm	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2114	403360	Nguyễn Thúy Hằng	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2115	403361	Cao Thanh Huyền	4033	BT	24	0	0	4,320,000	0	0	4,320,000
2116	403362	Hoàng Thị Thuý Kiều	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2117	403363	Lê Thị Lam	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2118	403364	Phạm Thị Quỳnh	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2119	403365	Phan Minh Đức	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2120	403366	Phạm Ngọc Anh	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2121	403367	Phạm Thu Phương	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2122	403368	Trần Thị Lan Anh	4033	MHP	26	0	0	0	0	0	0
2123	403369	Hoàng Thị Nguyễn	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2124	403370	Ma Thị Sao	4033	MHP	26	0	0	0	0	0	0
2125	403371	Vũ Quốc Cường	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2126	403372	Nguyễn Thị Hoài Thương	4033	MHP	26	0	0	0	0	0	0
2127	403401	Nguyễn Khánh Linh	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2128	403402	Hà Thị Bích Thảo	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2129	403403	Nguyễn Thị Hoàng Chuyên	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2130	403404	Cao Thị Hải	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2131	403405	Vũ Thùy Trang	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2132	403406	Mã Thị Vân	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2133	403407	Nguyễn Hà Trang	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2134	403408	Phùng Thị Mai	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2135	403409	Hoàng Thị Thùy Dương	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2136	403410	Đinh Ngô Tố Uyên	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2137	403411	Nguyễn Thị Kim Cúc	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2138	403412	Ngô Thị Hường	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2139	403413	Dương Thị Hòa	4034	BT	24	0	0	4,320,000	0	0	4,320,000
2140	403414	Triệu Tùng Sơn	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2141	403415	Vũ Thị Minh Huyền	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2142	403417	Nguyễn Thị Minh	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2143	403418	Trần Thị Mỹ Linh	4034	BT	24	0	0	4,320,000	0	0	4,320,000
2144	403420	Nguyễn Yến Hương	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2145	403421	Lê Thị Huê	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2146	403422	Đinh Thị Loan	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2147	403423	Hồ Thị Kim Phụng	4034	MHP	26	0	0	0	0	0	0
2148	403424	Lương Thị Ngọc Huyền	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2149	403425	Phạm Khánh Hòa	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2150	403426	Đào Thị Thu Huyền	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2151	403427	Đào Thị Hồng Nhung	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2152	403428	Chu Thuý Dương	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2153	403429	Đoàn Thị Thùy Linh	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2154	403430	Dương Văn Tuấn	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2155	403431	Vũ Huyền Trang	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2156	403432	Phùng Thị Quỳnh Trang	4034	BT	24	0	0	4,320,000	0	0	4,320,000
2157	403433	Nguyễn Thị Thu Huê	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2158	403434	Vũ Thị Ngọc Diệp	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2159	403435	Nguyễn Bảo Châu	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2160	403436	Trần Thị Như Quỳnh	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2161	403437	Trần Thị Như Quỳnh	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2162	403438	Nguyễn Văn Chính	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2163	403439	Nguyễn Thu Hà	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2164	403440	Nguyễn Khánh Huyền	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2165	403441	Quan Thị Nga	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2166	403442	Nguyễn Thị Thu Huyền	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2167	403443	Đinh Ngọc Mai	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2168	403444	Nhữ Kim Trang	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2169	403446	Nguyễn Thị Thu Hiền	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2170	403447	Bùi Thị Ngân	4034	MHP	26	0	0	0	0	0	0
2171	403448	Nguyễn Thị Mai	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2172	403449	Cao Thị Hồng	4034	MHP	26	0	0	0	0	0	0
2173	403450	Hoàng Thị Thu Thảo	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2174	403451	Lý Thị Nhung	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2175	403452	Phạm Thục Anh	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2176	403453	Đỗ Thị Mai Hoa	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2177	403454	Nguyễn Thị Hà An	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2178	403455	Vũ Thị Trang	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2179	403456	Hà Thị Hảo	4034	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2180	403457	Nguyễn Thị Thanh Nhung	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2181	403458	Nguyễn Thị Nhung	4034	MHP	26	0	0	0	0	0	0
2182	403459	Nguyễn Thủy Tiên	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2183	403461	Hà Thanh Huyền	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2184	403462	Lê Minh Hằng	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2185	403463	Nguyễn Thị Hải Anh	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2186	403464	Trần Hồng Ngọc	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2187	403465	Trương Hà Linh	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2188	403466	Vương Thùy Linh	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2189	403467	Vũ Trường Anh	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2190	403468	Vi Thị Hà Nam	4034	MHP	26	0	0	0	0	0	0
2191	403469	Nguyễn Thị Ngọc Anh	4034	BT	16	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2192	403501	Nguyễn Trà Linh	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2193	403502	Nguyễn Thị Thu Chang	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2194	403503	Nguyễn Thị Thu Hoài	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2195	403504	Thái Thị Hương	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2196	403505	Linh Thị Mai Anh	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2197	403506	Bùi Kim Ngân	4035	BT	24	0	0	4,320,000	0	0	4,320,000
2198	403507	Ngô Phương Vi	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2199	403508	Lương Mỹ Linh	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2200	403509	Hà Thị Lam	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2201	403510	Lê Thảo Nhi	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2202	403511	Trịnh Thị Hợp	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2203	403512	Trần Thị Linh	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2204	403513	Nguyễn Thị Mai	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2205	403514	Nông Lan	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2206	403515	Trịnh Ngọc Huyền	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2207	403516	Trần Thị Thanh Xuân	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2208	403517	Lê Thị Lan Anh	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2209	403518	Đào Thị Hương Ly	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2210	403519	Nguyễn Hồng Hà	4035	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2211	403520	Bùi Thùy Ngân	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2212	403521	Nguyễn Thị Kim Oanh	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2213	403522	Nguyễn Thị Hương Trà	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2214	403523	Bùi Mạnh Tuấn	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2215	403524	Nguyễn Ngọc ánh	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2216	403525	Nguyễn Thị Thơm	4035	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2217	403526	Lục Thị Kiều Trang	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2218	403527	Nguyễn Anh Minh	4035	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2219	403528	Bùi Thị Thanh Phương	4035	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2220	403530	Bùi Thị Phương	4035	MHP	26	0	0	0	0	0	0
2221	403532	Nguyễn Thị Minh Hân	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2222	403533	Lã Thị Trang	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2223	403534	Nguyễn Thị Huyền	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2224	403535	Nguyễn Thị Mai Thương	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2225	403536	Trần Thúy Nga	4035	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2226	403537	Phạm Thị Thúy Quỳnh	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2227	403538	Hoàng Thị Ly	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2228	403539	Hà Thu Hằng	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2229	403540	Chu Thị Huyền Bông	4035	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2230	403541	Nguyễn Thị Hiền Châu	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2231	403542	Nguyễn Thị Thanh Huyền	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2232	403543	Giang Thị Hải Lý	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2233	403544	Đặng Thị Mai Phương	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2234	403545	Nguyễn Thị Phương Thảo	4035	GHP	29	0	0	26,100	0	0	26,100
2235	403546	Bùi Thanh Sơn	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2236	403547	Trần Thị Linh Diệp	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2237	403548	Nông Thị Phương	4035	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2238	403549	Nguyễn Hùng Sơn	4035	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2239	403550	Vũ Thị Kiều Diễm	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2240	403553	Dương Thị Thùy Linh	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2241	403554	Trần Thị Thúy Quỳnh	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2242	403555	Nguyễn Thị Hải Yến	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2243	403556	Hồ Quỳnh Hoa	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2244	403557	Trần Ngọc Linh	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2245	403558	Đào Tuấn Ngọc	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2246	403559	Phạm Nữ Anh Thi	4035	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2247	403560	Nguyễn Thị Khánh Linh	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2248	403561	Bùi Thị Kiều Nga	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2249	403562	Hoàng Hạnh Minh Châu	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2250	403563	Hoàng Thị Hay	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2251	403564	Nguyễn Lê Thu Hà	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2252	403565	Vũ Ngô Nhật Hạ	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2253	403566	Bùi Thị Hải Anh	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2254	403567	Doãn Thị Hồng	4035	MHP	29	0	0	0	0	0	0
2255	403568	Quan Thị Thu Quỳnh	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2256	403569	Lê Thị Cẩm Vân	4035	MHP	29	0	0	0	0	0	0
2257	403570	Phạm Thị Nga	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2258	403601	Vũ Thị Minh Châu	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2259	403602	Hoàng Thị Tú Oanh	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2260	403603	Nguyễn Thị Hồng	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2261	403604	Lê Na	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2262	403607	Lê Thị Thùy Dương	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2263	403608	Nguyễn Thị Thùy	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2264	403609	Vũ Thị Khánh Linh	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2265	403610	Đinh Thị Ban	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2266	403612	Nguyễn Thảo Ly	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2267	403613	Thái Vũ Hải Đăng	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2268	403614	Nguyễn Hữu Đạt	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2269	403616	Dương Thị Ngọc ánh	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2270	403617	Vũ Thị Phương Thúy	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2271	403618	Hà Thị Diệu Linh	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2272	403620	Trần Thùy Trang	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2273	403621	Bùi Công	Bình	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2274	403622	Lê Thùy	Linh	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2275	403623	Nguyễn Thị Kim	Phượng	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2276	403624	Lê Thị Huệ	Minh	4036	MHP	26	0	0	0	0	0	0
2277	403625	Hoàng Thị	Phượng	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2278	403626	Trần Hải	Nam	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2279	403627	Lý Thái	Bảo	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2280	403628	Phạm Thị Linh	Phượng	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2281	403629	Ma Nhân Hoàng	Anh	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2282	403630	Nguyễn Hữu	Bách	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2283	403631	Đỗ Thị Linh	Chi	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2284	403632	Ninh Thị Lan	Hương	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2285	403633	Triệu Hồng	Nhung	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2286	403634	Nguyễn Thị Thu	Phượng	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2287	403635	Bùi Thị Thùy	Dung	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2288	403636	Nguyễn Bích	Thùy	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2289	403637	Nguyễn Thu	Hiền	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2290	403640	Khuất Huyền	Giáng	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2291	403641	Bùi Thị Như	ý	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2292	403642	La Thị	Lệ	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2293	403643	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2294	403644	Đỗ Thị	Hoài	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2295	403645	Hoàng Thị Trà	My	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2296	403646	Lê Thu	Huyền	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2297	403647	Ma Thị Tuyết	Nhung	4036	MHP	29	0	0	0	0	0	0
2298	403648	Nguyễn Thị	Thúy	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2299	403649	Ngô Mai	Anh	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2300	403650	Nguyễn Thị	Phượng	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2301	403651	Đỗ Minh	Ngọc	4036	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2302	403652	Nguyễn Thị Phương	Thảo	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2303	403653	Lữ Thị	Thúy	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2304	403654	Tòng Thị	Linh	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2305	403655	Đặng Thị	Thường	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2306	403656	Hoàng Thị	Trang	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2307	403657	Đoàn Thị Ngọc	Mai	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2308	403658	Trần Thị Mỹ Linh	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2309	403659	Vũ Diệu Linh	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2310	403660	Nguyễn Thị Huế	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2311	403661	Nguyễn Hồng Nhung	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2312	403662	Nguyễn Thị Thùy Dương	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2313	403663	Nguyễn Thị Vân Anh	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2314	403664	Nguyễn Phương Hoa	4036	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2315	403665	Trương Thị Vui	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2316	403666	Nguyễn Ngọc Chí	4036	BT	24	0	0	4,320,000	0	0	4,320,000
2317	403667	Đinh Thị Bích Đoàn	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2318	403668	Phạm Bá Đạt	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2319	403669	Đinh Phương Thảo	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2320	403670	Lưu Thị Mai	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2321	403701	Đào Minh Hiếu	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2322	403702	Đinh Hương Giang	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2323	403703	Nguyễn Hải Dung	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2324	403704	Nguyễn Kim Chi	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2325	403705	Lê Thị Quỳnh Hoa	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2326	403706	Nguyễn Thục Anh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2327	403708	Phương Hoàng Tú Lam	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2328	403709	Nguyễn Minh Nguyệt	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2329	403710	Đinh Thị Tâm	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2330	403711	Hoàng Thị Kiều Anh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2331	403712	Bùi Lê Chi Thảo	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2332	403713	Lê Minh Anh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2333	403715	Bùi Tú Anh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2334	403716	Tô Thị Xuân Thanh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2335	403717	Nguyễn Thành Công	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2336	403718	Đỗ Thị Hường	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2337	403719	Vũ Minh Anh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2338	403720	Đào Ngọc Linh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2339	403721	Nguyễn Thu Trang	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2340	403722	Bùi Việt Trung	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2341	403723	Phan Thanh Trà	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2342	403724	Ngô Hải Anh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2343	403725	Bùi Hải Công	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2344	403727	Phùng Thị Nguyệt	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2345	403728	Nguyễn Chu Thu Thủy	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2346	403729	Bạch Thị Nga	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2347	403730	Đặng Mỹ Linh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2348	403731	Nguyễn Phương Anh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2349	403732	Nguyễn Thị Trang	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2350	403733	Mai Thị Lệ	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2351	403734	Vũ Phương Thảo	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2352	403735	Lại Thu Thủy	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2353	403736	Vũ Thị Nguyệt Hà	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2354	403738	Lê Thị Hà My	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2355	403739	Trần Thị Thùy Linh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2356	403740	Vũ Phương Hà	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2357	403741	Phạm Lê Ngọc Mai	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2358	403742	Trần Cao ánh Dương	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2359	403743	Nguyễn Phương Thảo	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2360	403744	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2361	403745	Vũ Hoàng Diễm My	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2362	403746	Nguyễn Thị Minh Hạnh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2363	403747	Trịnh Thị Thu Thủy	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2364	403748	Nguyễn Hải Chi	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2365	403749	Nguyễn Thị Kim Ngân	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2366	403751	Nguyễn Lê Diệu Linh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2367	403752	Lê Thị Thu Trang	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2368	403753	Nguyễn Như Thái Linh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2369	403754	Đồng Văn Thiệu	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2370	403755	Trương Minh Hường	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2371	403756	Phạm Thị Thùy Linh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2372	403758	Vũ Đức Minh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2373	403759	Đặng Khánh Huyền	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2374	403760	Nguyễn Thị Mỹ Linh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2375	403761	Nguyễn Thị Mai Quỳnh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2376	403762	Vương Sỹ Thị Giang	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2377	403764	Trần Thị Yên Nga	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2378	403765	Bùi Thế Cảnh		4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2379	403766	Nguyễn Thị Phương Anh		4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2380	403767	Diệp Thùy Linh		4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2381	403768	Hoàng Ngọc Phong		4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2382	403769	Nguyễn Mai Hương		4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2383	403770	Trần Mạnh Thắng		4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2384	403771	Trần Thị Tú		4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2385	403772	Nguyễn Thu Trang		4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2386	403773	Phạm Thị Hoa		4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2387	403801	Bùi Diệu Linh		4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2388	403802	Hà Anh Kiệt		4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2389	403803	Nguyễn Thùy Dung		4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2390	403804	Hoàng Thị Nhung		4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2391	403805	Phạm Thị Thùy Trang		4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2392	403806	Nguyễn Trần Thảo My		4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2393	403807	Nguyễn Hồng Phượng		4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2394	403808	Lưu Thanh Thủy		4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2395	403809	Đoàn Thị Hồng Chinh		4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2396	403810	Nguyễn Thị Thuỳ		4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2397	403812	Nguyễn Thúy Hạnh		4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2398	403813	Trần Vũ Thùy Trang		4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2399	403814	Trần Thị Quỳnh Lan		4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2400	403815	Dương Việt Trinh		4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2401	403816	Nguyễn Thị Hạnh		4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2402	403817	Nguyễn Thu Huyền		4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2403	403818	Cần Thị Thu Trang		4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2404	403819	Vũ Minh Ngọc		4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2405	403820	Vũ Thu Trang		4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2406	403821	Nguyễn Thu Thảo		4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2407	403822	Nguyễn Thị Thu Hà		4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2408	403823	Nguyễn Kiều Anh		4038	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
2409	403824	Trần Thị Hương Giang		4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2410	403825	Trần Kim Chi		4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2411	403826	Trần Tiểu Trâm		4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2412	403827	Sân Thành Nam		4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2413	403828	Lê Mai Thanh	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2414	403829	Lê Quốc Nghĩa	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2415	403830	Trương Thị Thu Loan	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2416	403832	Trịnh Thị Diệu Linh	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2417	403833	Đoàn Thùy Anh	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2418	403834	Trần Nhã Nam	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2419	403835	Bùi Thọ Kiên	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2420	403836	Lê Nguyễn Khánh Linh	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2421	403837	Trần Huy Quang	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2422	403838	Đỗ Minh Thư	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2423	403839	Nguyễn Thảo Hiền	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2424	403840	Hà Thị Nhật Lệ	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2425	403841	Lê Tú Anh	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2426	403842	Trương Thị Yên	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2427	403843	Phạm Trần Phương Thảo	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2428	403844	Nguyễn Thị Mai Hương	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2429	403845	Tạ Hoàng Hà	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2430	403846	Bùi Thị Mai Phương	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2431	403847	Trần Thị Thu Trang	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2432	403848	Ngô Thị Mỹ Lệ	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2433	403849	Vũ Thu Hiền	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2434	403850	Nguyễn Thị Hà Nhi	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2435	403851	Trần Thạch Thảo	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2436	403853	Trần Khánh Linh	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2437	403854	Ngô Thu Uyên	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2438	403855	Ngô Trang Linh	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2439	403856	Trần Thị Hải Yến	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2440	403857	Phi Quang Khải	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2441	403858	Lê Phương Anh	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2442	403859	Trần Huyền Trang	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2443	403860	Nguyễn Nhật Anh	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2444	403861	Nguyễn Thị Thanh Tâm	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2445	403862	Thắm Trung Hiếu	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2446	403863	Nguyễn Phương Thúy	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2447	403864	Phan Hoàng Nam	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2448	403865	Phan Thị Nguyên Anh	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2449	403866	Lưu Thị Minh Thùy	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2450	403867	Đặng Đình Đoàn	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2451	403868	Bùi Kiều My	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2452	403869	Bùi Quang Hoàng	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2453	403870	Lê Thị Tâm Đan	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2454	403871	Đinh Nguyễn Hoàng Minh	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2455	403873	Phạm Quang Huy	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2456	403901	Đặng Mạnh Cường	4039	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2457	403902	Nhữ Thị Thu Hường	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2458	403903	Lê Duy Khánh	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2459	403904	Nguyễn Thị Bích Thảo	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2460	403905	Đặng Thu Uyên	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2461	403906	Nguyễn Minh Khanh	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2462	403907	Bùi Ngọc ánh	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2463	403908	Thái Trà My	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2464	403909	Bùi Lan Hương	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2465	403911	Nguyễn Ngọc ánh	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2466	403912	Trần Phương Thảo	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2467	403913	Nghiêm Thị Lan Hương	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2468	403914	Ngô Phương Thanh Thùy	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2469	403915	Trần Minh Anh	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2470	403916	Nguyễn Thục Hiền	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2471	403917	Quách Mai Phương	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2472	403918	Phan Bảo Ngọc	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2473	403919	Bùi Minh Hiếu	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2474	403920	Sái Hoàng Thái Hà	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2475	403921	Lê Thị Thanh Hằng	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2476	403922	Lai Thế Lân	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2477	403923	Vũ Khánh Linh	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2478	403924	Phùng Thị Thu Ngân	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2479	403925	Vũ Hương Ly	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2480	403926	Nguyễn Thúy Quỳnh	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2481	403927	Nguyễn Đức Tú	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2482	403928	Nguyễn Hồng Tâm	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2483	403929	Nguyễn Thị Ngân	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2484	403930	Nguyễn Thanh Thùy	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2485	403931	Lê Thu Hương	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2486	403932	Nguyễn Thị Phương	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2487	403933	Trương Thị Vi	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2488	403934	Nguyễn Thị Hải Anh	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2489	403935	Nguyễn Thị Phương Thảo	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2490	403936	Nguyễn Mai Anh	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2491	403937	Đỗ Nguyễn Khánh Linh	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2492	403938	Nguyễn Mỹ Linh	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2493	403939	Trịnh Thị Hằng	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2494	403940	Ngô Mai Chi	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2495	403941	Nguyễn Thị Mỹ Linh	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2496	403942	Nguyễn Nhật Minh	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2497	403943	Phan Thị Khánh Ly	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2498	403944	Đặng Thị Nhung	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2499	403945	Nguyễn Thị Thùy	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2500	403946	Nguyễn Đỗ Quyên	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2501	403947	Trần Thu Hiền	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2502	403948	Đỗ Thị Hoa	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2503	403949	Lê Mỹ Thủy Tiên	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2504	403950	Trần Anh Thư	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2505	403951	Khổng Thu Trang	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2506	403952	Nguyễn Thanh Kim Ngọc	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2507	403953	Nguyễn Minh Hằng	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2508	403954	Phạm Mỹ Linh	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2509	403955	Nguyễn Phan	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2510	403956	Phương Hoàng My Anh	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2511	403957	Nguyễn Thị Hằng Nga	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2512	403958	Trần Thị Vân	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2513	403959	Đặng Minh Trang	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2514	403960	Trần Đức Long	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2515	403961	Phạm Nhật Linh	4039	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2516	403962	Vũ Phương Linh	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2517	403963	Nguyễn Thị Thu Hà	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2518	403964	Trần Thị Thu	4039	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2519	403965	Nguyễn Tuấn Trung	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2520	403966	Tô Thị Thanh Thảo	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2521	403967	Nguyễn Văn Hiếu	4039	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2522	403968	Chu Sơn Nguyên	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2523	404001	Trần Đức Trinh	4040	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2524	404002	Đào Tường Chi	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2525	404003	Nguyễn Hồng Hạnh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2526	404004	Vũ Minh Hường	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2527	404005	Trịnh Hồng Vân	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2528	404006	Lê Thu Hà	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2529	404007	Lê Thị Diệp ánh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2530	404008	Trần Thị Thu Hương	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2531	404009	Trần Huyền Anh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2532	404010	Lê Thị Bích Hường	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2533	404011	Lê Thu Thảo	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2534	404012	Đặng Thị ánh Dương	4040	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2535	404013	Lưu Thảo Dương	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2536	404014	Trần Phương Anh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2537	404015	Nguyễn Anh Quân	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2538	404016	Bùi Hồng Nhung	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2539	404017	Phạm Quỳnh Anh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2540	404018	Nguyễn Hoàng Hiếu	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2541	404019	Nguyễn Hoàng Duy Anh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2542	404020	Nguyễn Quang Anh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2543	404021	Bùi Anh Tú	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2544	404022	Nghiêm Thị ánh Ngọc	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2545	404023	Nguyễn Lan Hương	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2546	404024	Nguyễn Thu Thảo	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2547	404025	Phạm Thị Hải Anh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2548	404026	Nguyễn Mạnh Hải Anh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2549	404027	Nguyễn Bích Ngọc	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2550	404028	Đinh Minh Châu	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2551	404029	Phạm Thái Sơn	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2552	404030	Thái Phương Thảo	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2553	404031	Vũ Hồ Diệu	Linh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2554	404032	Lê Việt Hồng	Ngọc	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2555	404033	Nguyễn Phương	Thảo	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2556	404034	Quản Thị Kiều	Oanh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2557	404035	Võ Minh	Thư	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2558	404036	Vũ Thị Thanh	Thắng	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2559	404037	Đỗ Thị Quỳnh	Trang	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2560	404038	Nguyễn Thu	Ngà	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2561	404039	Nguyễn Hà	Linh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2562	404040	Nguyễn Bảo	Linh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2563	404041	Phan Thị Bích	Hạnh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2564	404042	Nguyễn Xuân	Lâm	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2565	404043	Đặng Tuấn	Anh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2566	404044	Hà Nguyên	Hạnh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2567	404045	Đặng Thị	Dung	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2568	404046	Nguyễn Hoàng Minh	Thảo	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2569	404047	Vũ Thị Hương	Giang	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2570	404048	Đào Thị Thanh	Tâm	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2571	404049	Đậu Phương	Thảo	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2572	404050	Nguyễn Hà	Linh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2573	404051	Công Thị Thu	Thùy	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2574	404052	Lê Ngọc Huyền	Anh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2575	404054	Trần Tú	Mỹ	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2576	404055	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2577	404056	Phạm Mạnh	Hưng	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2578	404057	Tạ Hoàng	An	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2579	404058	Nguyễn Thị	Lệ	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2580	404059	Đặng Hà	Phương	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2581	404060	Vũ Minh	Ngọc	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2582	404061	Trần Ngọc	Hải	4040	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2583	404062	Hà Nhật	Thắng	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2584	404063	Phạm Quốc	Anh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2585	404064	Đỗ Thị	Thảo	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2586	404065	Trần Thị Thu	Hường	4040	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2587	404066	Phạm Ngọc	Anh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2588	404067	Bạch Thị Sao	Mai	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2589	404068	Nguyễn Hà	Thùy	4040	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2590	404069	Nguyễn Hồ Thu	Hà	4040	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2591	402901	Trần Minh	Hằng	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2592	402902	Lê Khánh	Huyền	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2593	402904	Trần Thị Hà	Phương	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2594	402905	Nguyễn Việt	Khánh	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2595	402906	Lê Hồng	Tuấn	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2596	402907	Nguyễn Ngọc	Thảo	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2597	402908	Nguyễn Hồng	Nhung	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2598	402910	Phan	Vũ	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2599	402911	Ngô Quang	Cường	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2600	402912	Vũ Công	Thuận	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2601	402913	Vũ Thủy	Tiên	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2602	402915	Nguyễn Ngọc	ánh	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2603	402916	Hoàng Văn	Thiện	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2604	402917	Lê Thị Hồng	Hạnh	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2605	402918	Nguyễn Ngọc	Bích	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2606	402919	Lý Vương	Thảo	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2607	402920	Hoàng Thị Minh	Thảo	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2608	402921	Phan Thị Trúc	Linh	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2609	402922	Nguyễn Hoàng	Hải	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2610	402923	Trần Ngọc	Thành	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2611	402924	Hoàng Khánh	Linh	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2612	402925	Nguyễn Thị	Trang	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2613	402926	Hồng Lê Cẩm	Hằng	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2614	402927	Nguyễn Hoàng Nhật	Minh	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2615	402929	Trần Lê Ngọc	Minh	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2616	402930	Nguyễn Khắc Sơn	Dương	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2617	402931	Nguyễn Bình Trúc	Quỳnh	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2618	402932	Bùi Hà	Phương	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2619	402933	Phạm Thu	Hương	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2620	402934	Lê Thái Thảo	Anh	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2621	402935	Nguyễn Huyền	Trang	4029A	CLC40	17	0	0	13,260,000	0	0	13,260,000
2622	402936	Tường Duy	Quyên	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2623	402937	Trần Lê Phương Thảo	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2624	402938	Đỗ Thị Hồng Hoa	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2625	402939	Vũ Thị Ngọc Mai	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2626	402940	Nguyễn An Giang	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2627	402941	Nguyễn Xuân Bách	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2628	402942	Mai Khánh Linh	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2629	402943	Trần Nguyên Khánh	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2630	402944	Mạc An Chi	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2631	402945	Nguyễn Thu Uyên	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2632	402948	Đỗ Hà Anh	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2633	402950	Nguyễn Ngọc Duy	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2634	402951	Nguyễn Trần Phương Trang	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2635	402952	Phạm Thùy Dung	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2636	402953	Phan Hoàng Tùng	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2637	402954	Lương Bảo Thái	4029B	CLC40	25	0	0	14,700,000	0	0	14,700,000
2638	402955	Nguyễn Hoàng Chi Mai	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2639	402956	Trịnh Hoàng Đức	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2640	402957	Tổng Thị Quỳnh Nga	4029B	CLC40	17	0	0	13,260,000	0	0	13,260,000
2641	402958	Nguyễn Thúy Quỳnh	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2642	402959	Dương Tiến Trung	4029B	CLC40	17	0	0	13,260,000	0	0	13,260,000
2643	402960	Đinh Ngọc Huyền	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2644	402961	Nguyễn Thị Diệu Linh	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2645	402962	Nguyễn Thị Thùy Linh	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2646	402963	Nguyễn Thị Huyền	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2647	402964	Đỗ Thị Tuyết Chinh	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2648	402965	Vũ Thùy Dung	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2649	402966	Nguyễn Đức Thái	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2650	402967	Vũ Thị Ngọc Mai	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2651	402968	Lê Hồng Ngọc	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2652	402969	Trần Thị Hồng Phương	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2653	402970	Vũ Thị Minh Hằng	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2654	402971	Nguyễn Thị Ngọc An	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2655	402972	Nguyễn Thị Minh Tâm	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2656	402973	Lê Thùy Dương	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2657	402974	Trần Thị Ngọc Hà	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2658	402975	Nguyễn Quỳnh Anh	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2659	402976	Phạm Minh Tiến	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2660	402977	Dương Khánh Linh	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2661	402978	Diêm Thị ánh	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2662	402979	Vũ Hoàng Yên	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2663	403001	Đỗ Hà Linh	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2664	403002	Nguyễn Lương Thục Linh	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2665	403003	Nguyễn Thảo Phương	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2666	403004	Nguyễn Tuấn Anh	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2667	403005	Trần Thị Hải Anh	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2668	403006	Đỗ Minh Tú	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2669	403007	Đinh Thị Thu Giang	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2670	403008	Ngô Thị Thùy Linh	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2671	403009	Trần Tiến Đạt	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2672	403010	Trần Hải Nam	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2673	403011	Đào Trọng Nghĩa	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2674	403013	Nguyễn Hương Nhung	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2675	403014	Cao Thế Vinh	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2676	403015	Vũ Thị Thu Thủy	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2677	403016	Lỗ Thị Thu Hương	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2678	403017	Nguyễn Ngọc Châu Loan	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2679	403018	Ong Thị Thúy Nga	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2680	403019	Ngô Thu Hiền	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2681	403020	Nguyễn Thu Huyền	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2682	403021	Vũ Hoàng Minh	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2683	403023	Phạm Phương Hà	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2684	403024	Trần Đức Hiếu	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2685	403025	Đoàn Trúc Phương	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2686	403026	Huỳnh Phương Ngân	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2687	403027	Hà Anh Thư	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2688	403028	Ngô Thị Khánh Quỳnh	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2689	403029	Nguyễn Anh Tú	4030A	CLC40	17	0	0	13,260,000	0	0	13,260,000
2690	403030	Phạm Hồng Nhung	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2691	403031	Đỗ Huy Khôi	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2692	403032	Vũ Thu Phương	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2693	403033	Ninh Thị Thuý	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2694	403034	Đỗ Huyền Linh	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2695	403035	Đinh Thu Thảo	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2696	403036	Dương Đức Thắng	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2697	403037	Nguyễn Thế Huy	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2698	403038	Đào Mai Trang	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2699	403039	Trần Thị Thu Hoa	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2700	403040	Nguyễn Hương Giang	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2701	403041	Đoàn Ngọc Yền	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2702	403043	Nguyễn ánh Linh	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2703	403044	Nguyễn Phương Anh	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2704	403045	Hoàng Phương Anh	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2705	403046	Vũ Quỳnh Mai	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2706	403047	Hà Thị Ngọc Mai	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2707	403048	Trịnh Ngọc Khánh Linh	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2708	403049	Kiều Thu Hiền	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2709	403050	Đặng Thủy Tiên	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2710	403051	Phan Hoài Thu	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2711	403052	Nguyễn Thảo Nguyên	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2712	403053	Trần Minh Châu	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2713	403054	Nguyễn Phương Thảo	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2714	403055	Nguyễn Thị Vân Anh	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2715	403056	Dương Hiếu Phong	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2716	403057	Nguyễn Đoàn Ngọc Anh	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2717	403058	Phùng Thị Diễm Hương	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2718	403059	Phạm Văn Hùng	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2719	403060	Trần Hưng Phúc	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2720	403061	Phạm Thị Minh Phương	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2721	403062	Nguyễn Thị Bích Hiền	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2722	403063	Nguyễn Thu Thảo	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2723	403064	Nguyễn Mỹ Linh	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2724	403065	Phùng Linh Trang	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2725	403066	Doãn Nhật Linh	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2726	403067	Lê Kiều Minh	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2727	403068	Nguyễn Khánh Linh	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2728	403069	Lê Gia	Khánh	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2729	403070	Ngô Minh	Quân	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2730	403071	Phan Khánh	Hà	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2731	403072	Trần Lê Thiên	Ngân	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2732	403073	Trịnh Huyền	My	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2733	403074	Phạm Hằng	Nga	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2734	403075	Phạm Phương	Anh	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2735	403076	Trần Hà	Ngân	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2736	403077	Ngô Nhật	Linh	4030B	CLC40	17	0	0	13,260,000	0	0	13,260,000
2737	403078	Vương Thị Ngọc	Mai	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2738	403079	Hoàng Đức	Thiện	4030B	CLC40	25	0	0	14,700,000	0	0	14,700,000
						72,508	0	2	13,757,754,200	0	360,000	13,758,114,200

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2016

TRUNG TÂM CNTT

PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

PHÒNG ĐÀO TẠO

PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ TOÁN PHÓ HIỆU TRƯỞNG